

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 242 - Năm thứ 22 - Tháng 12-2009

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hophu@thongluan.org

Mua báo : Nghiem Van Thach, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France



Xã luận

Hội nghị Việt kiều : Một trò hề nhạt nhẽo và một khiêu khích ngu xuẩn

Ý kiến tổ chức hàng năm một hội nghị của người Việt Nam sống ở nước ngoài tự nó là một ý kiến đúng. Cộng đồng người Việt hải ngoại đối với Việt Nam có vai trò của một siêu cường, hàng năm viện trợ cho Việt Nam trên bảy tỷ USD. Không một nước nào hay một định chế quốc tế nào có thể giúp cho Việt Nam một phần ba số tiền này. Nhưng không phải chỉ có thế, cộng đồng người Việt hải ngoại còn là một khối chuyên viên trên một nửa triệu người tốt nghiệp tại những nước tiên tiến, có mặt trong mọi bộ môn, dù khó khăn, phức tạp và mới lạ tới đâu ; cộng đồng người Việt hải ngoại cũng là hơn ba triệu người đã thử nghiệm mọi mô hình dân chủ, hấp thụ những văn hóa khác nhau, chứng kiến những cách ứng xử khác nhau trước cùng những thử thách. Mọi cộng đồng hải ngoại đều là những đầu cầu văn hóa, khoa học, kỹ thuật và thương mại và đều có vai trò con mắt của một dân tộc để nhìn thế giới ; cộng đồng người Việt hải ngoại cũng không thể khác. Một trong những lý do khiến Việt Nam đã thua kém và đi từ sự đại dột này đến sự thiển cận khác chính là vì cho tới năm 1975 chúng ta đã không có một cộng đồng hải ngoại, số người Việt ở nước ngoài quá ít.

Thái độ của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với người Việt hải ngoại đã rất thô bỉ. Cho tới những năm gần đây ngôn ngữ chính thức của họ đối với cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn là ngôn ngữ miệt thị ; chỉ từ một vài năm gần đây, khi sự thành công của người Việt hải ngoại đã quá rõ ràng và số tiền họ gửi về nước đã quá lớn, chính quyền cộng sản mới thay đổi ngôn ngữ và chuyển sang chính sách ve vãn. Tuy vậy đây vẫn chỉ là một sự ve vãn vụ lợi và trích thượng. Thái độ ngòi vực và thù địch vẫn còn nguyên vẹn, mỗi người Việt về thăm nhà vẫn bị nhìn như một kẻ thù tiêm nồng, chính quyền chỉ ưu ái những người hoặc không phát biểu một quan điểm chính trị nào, hoặc đã bán rẻ nhân cách để tâng bốc chế độ.



Hội nghị Việt kiều cuối tháng 11 vừa qua đã chỉ là một trò hề nhạt nhẽo. Nó không phải là một hội nghị bởi vì chẳng có ý kiến nào được phát biểu cả, những người tham dự đều hiểu rằng họ đến đó không phải để đóng góp ý kiến mà chỉ để nói leo, nói theo và vỗ tay hoan hô những bài diễn văn rỗng nghĩa, đôi khi còn ngu ngốc như bài nói của ông Nguyễn Minh Triết.

Nó cũng là một sự khiêu khích đối với cộng đồng người Việt hải ngoại bởi vì chính quyền cộng sản đã tự cho phép chỉ định những người ngoan ngoãn làm "đại biểu" cho khối người Việt hải ngoại, như họ đã chỉ định những thành phần dễ bảo làm "đại biểu" cho nhân dân quốc nội trong "quốc hội" và các "hội đồng nhân dân" bù nhìn. Những người tham dự hội nghị Việt kiều không những chẳng có tư cách để đại diện cho ai - thậm chí cho chính họ vì họ đã chấp nhận nói và làm những điều mà trong thâm tâm họ cũng thừa biết là đáng xấu hổ - mà còn trái ngược hoàn toàn với tập thể người Việt hải ngoại, tập thể của những con người sinh sống trong các nước dân chủ, đã hiểu rõ phúc lợi của tự do và mong muốn một tương lai dân chủ cho đất nước. Đó cũng là những con người thông minh và cẩn mẫn đã bắt kịp, và trong nhiều trường hợp vượt qua, mức sống và trình độ hiểu biết của các dân tộc tiên tiến trong vòng một thế hệ từ bàn tay trắng. Đó là những con người có nhiều lý do để tự hào và không có một lý do nào để cúi đầu trước một tập đoàn độc tài tham nhũng.

Chính quyền cộng sản quên rằng người Việt hải ngoại không sống dưới sự khống chế của họ và không có bắt buộc nào để chấp nhận sự xác xứng của họ.

Cuối cùng thì hội nghị này đã hoàn toàn phản tác dụng. Nó chỉ là một trò hề nhạt nhẽo và tệ hơn nữa, một khiêu khích ngu xuẩn đối với khối người mà nó muốn ve vãn.

Thông Luận



Tham luận

1989, thế giới và Việt Nam

Nguyễn Gia Kiêng

Người châu Âu và thế giới nói chung có nhiều lý do hơn chúng ta để hân hoan kỷ niệm hai mươi năm ngày 9-11-1989, khi bức tường Berlin sụp đổ. Đối với họ biến cố này có một ý nghĩa đặc biệt, nó đánh dấu sự sụp đổ không phải chỉ của một chế độ cộng sản Đông Đức, như trường hợp Ba Lan và Hungary trước đó vài tháng, mà của chính chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới nói chung. Tự do và dân chủ đã thắng, sẽ không có chiến tranh nguyên tử. Đối với họ biến cố này cũng quan trọng không kém cuộc cách mạng dân chủ nhân quyền 1789 đánh dấu sự cáo chung của chủ nghĩa quân chủ chuyên chế hai thế kỷ trước đó.

Thực vậy, trái với các nước cộng sản khác, Đông Đức không phải là một nước vẫn có từ trước mà là một nước hoàn toàn do chủ nghĩa cộng sản mà có. Nó được thành lập trên phần lãnh thổ Đức do Liên Xô chiếm đóng sau Thế Chiến II với các lãnh tụ là những người cộng sản Đức lưu vong tại Liên Xô được Liên Xô đem về. Đông Đức không những chỉ là đứa con chính thống mà còn là niềm hân diện của phong trào cộng sản thế giới, nó được khoe khoang như là một mẫu mực thành công của chủ nghĩa cộng sản. Liên Xô đã dồn sức lực và cài giúp Đông Đức vươn lên tranh đua với Tây Đức ; bộ máy tuyên truyền của cả khối cộng sản được huy động để mô tả Cộng Hòa Dân Chủ Đức như là bằng chứng của sự hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội. Sự sụp đổ của chế độ cộng sản Đông Đức vì thế cũng là sự đầu hàng của chính chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới.

Nếu Đông Đức là biểu tượng của chủ nghĩa cộng sản thì bức tường Berlin là biểu tượng của Đông Đức. Nó đã được xây dựng lên để khẳng định quyết tâm đọ sức với khối tư bản. Berlin đã là một trận tuyến cốt lõi và một điểm nóng của chiến tranh lạnh. Nó đã "sụp đổ" một cách giản dị không ngờ : đúng nửa đêm 9-11-1989, sau hơn một tháng dồn dập biến động, viên sĩ quan trạm trưởng biên giới bơ vơ không biết phải làm gì và cũng không còn thương cắp nào để nhận chỉ thị ra lệnh mở cửa biên giới. Bức tường vẫn còn nguyên đó - sinh viên chỉ bắt đầu đập phá vài giờ sau - nhưng kể như đã biến mất. Lịch sử nhân loại sang trang ngay trước mắt hàng tỷ người trên thế giới đang theo dõi trên màn ảnh truyền hình.

Sự sụp đổ của bức tường Berlin có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản đã chết. Các chế độ cộng sản có thể còn tiếp tục tồn tại trong một thời gian ở một vài nước, kể cả giàn được một vài thắng lợi nhất thời, như một vài cành lá có thể vẫn còn xanh và một vài chồi vẫn còn có thể mọc trên một thân cây đã bị đốn, nhưng chủ nghĩa cộng sản đã chết, nó không còn có thể được dùng làm nền tảng cho một chế độ chính trị nào nữa.

Đêm hôm đó tôi không ngủ được và thao thức tới sáng, như tôi đã hầu như không ngủ trong những ngày trước và sau 30-4-1975. Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới đối với tôi không phải là điều đáng ngạc nhiên. Tôi đã tiên liệu nó ngay từ đầu thập niên 1980, đã trình bày nó trong nhóm sáng lập Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên như là một nhận định nền tảng của tổ chức và đã viết ra trong bài "Ta có thể thắng" đăng trên báo *Tự Do* năm 1986 (*). Các biến cố đã xảy ra không khác những tiên liệu của tôi ; điều làm tôi trăn trọc là câu hỏi tại sao chúng ta lại sa vào ách cộng sản và chừng nào chúng ta mới ra khỏi.

Trong lịch sử thế giới chưa có chủ nghĩa nào gây nhiều thảm kịch bằng chủ nghĩa cộng sản. Nó đã làm hàng trăm triệu người chết và đã gây những tác hại ghê gớm cho môi trường, đạo đức và con người. Nhưng điều đáng buồn nhất

là một sự vô lý : nó đã thành công rất lâu sau khi sự sai lầm của nó được chứng tỏ. Chế độ cộng sản đầu tiên được thiết lập tại Nga năm 1917 gần một nửa thế kỷ - chính xác là 47 năm - sau khi nó đã bị chối bỏ tại Tây Âu, quê hương của nó, qua đại hội Gotha của đảng Xã Hội Đức, xương sống của phong trào cộng sản thế giới lúc đó. Và nó đã được du nhập vào Việt Nam gần 30 năm sau, khi đã gây ra những tội ác kinh khủng tại Liên Xô. Đó là vì các dân tộc thiểu tú tu tưởng chính trị thường là mồi ngon cho những sai lầm bi đát. Nga cũng như Trung Quốc và Việt Nam và mọi nước cộng sản khác có chung một đặc điểm là thiếu một cách bi đát tu tưởng chính trị.

Trái với một huyền thoại được tạo ra và nuôi dưỡng, các đảng cộng sản không phải là những phong trào quần chúng. Chúng không được thành lập để tranh thủ hậu thuẫn quần chúng mà để lợi dụng một tình trạng khủng hoảng để cướp chính quyền (chính ông Hồ Chí Minh chứ không ai khác dùng cụm từ "cướp chính quyền" năm 1945). Trong suốt lịch sử của phong trào cộng sản thế giới, chưa hề có một đảng cộng sản nào thắng một cuộc bầu cử lương thiện nào. Cũng chưa hề có một đảng cộng sản nào đem lại phồn vinh cho một quốc gia nào. Không hề có một phát minh hay sáng tác thực sự đáng kể nào trong các chế độ cộng sản, một vài tác phẩm văn học lớn đều là của những người đổi lập. Ở mọi nơi mà nó đã được thử nghiệm, chủ nghĩa cộng sản đã chỉ là nghèo khổ, khủng bố và tội ác. Riêng bức tường Berlin còn tiêu biểu cho chủ nghĩa cộng sản ở điểm này : nó được dựng lên không phải để ngăn chặn sự xâm nhập từ bên ngoài như tất cả mọi tường thành đã có trong lịch sử các nước mà là để ngăn chặn người trong nước bỏ ra đi. Chế độ cộng sản khác với mọi chế độ bạo ngược đã có trong lịch sử thế giới, nó là chế độ duy nhất bách hại và tàn sát nhân dân của chính mình. Tuyệt đại đa số nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản là những người dân của các chế độ cộng sản.

1989 đã là năm khủng hoảng của chủ nghĩa cộng sản cũng như 1968 đã là năm thử thách của chế độ dân chủ và chủ nghĩa tư bản ; trên nhiều mặt các biến cố 1968 còn mãnh liệt hơn. Nhưng hậu quả đã rất khác nhau. Cuộc cách mạng 1968 đã chứng tỏ rằng chủ nghĩa tư bản, với tất cả những khuyết điểm của nó, vẫn còn cải thiện được và dân chủ tuy không tuyệt đối hoàn chỉnh vẫn hay hơn nhiều lần so với mọi chế độ chính trị khác. Dân chủ đã mạnh hơn sau thử thách này. Trái lại cuộc khủng hoảng 1989 đã khiến ý thức hệ cộng sản bị phơi bày như một sai lầm dãm máu và bị vất bỏ.

Chủ nghĩa cộng sản thực ra đã thất bại ngay từ khi được đem thử nghiệm. Những "thành quả" của Stalin đã từng khiến nhiều trí thức yếu bóng vía nguồng mồ thực ra đã chỉ là những đầm đọa đối với dân chúng, không khác các kim tự tháp Ai Cập, Vạn Lý Trường Thành tại Trung Quốc, các thành quách vĩ đại mà tàn tích còn thấy được tại Nam Mỹ, hay lâu đài Saint Petersburg ở ngay nước Nga. Chúng chỉ chứng tỏ một điều mà mọi người đều đã biết từ lâu, đó là các bạo chúa có thể áp đặt lên dân chúng những cố gắng rất phi thường. Ngay sau khi Stalin chết, Khruschev đã muốn cải tổ nhưng đã bị lật đổ. Gorbachev cũng không khác gì Khruschev, ý định của ông ta chỉ giản dị là "đổi mới để tồn tại" nhưng chế độ cộng sản Liên Xô đã quá kiệt quệ sau khi thảm bại tại Afghanistan để có thể qua khỏi cuộc giải phẫu này.

Sức mạnh của phong trào cộng sản là một khám phá của Lenin không liên quan gì tới Marx. Lenin là một tay khủng bố chuyên nghiệp - anh ruột bị xử tử sau một vụ khủng bố



trong đó chính ông cũng tham gia và bị đày đi Siberia - và hiểu hiệu lực ghê gớm của khủng bố. Thiên tài của Lenin là đã nhìn thấy rằng một tổ chức khủng bố có thể cướp được và sau đó giữ được chính quyền nếu hội đủ hai điều kiện. Một là nó dám khẳng định như một đạo đức thay vì cúi mặt nhận mình là đạo tặc và như thế cần được phục sức bằng một chủ thuyết bê ngoài có dáng dấp của lý tưởng cao cả ; chủ nghĩa Marx đã có vai trò chiếc áo đẹp của tên sát nhân. Hai là nó dám đẩy tới tận cùng logic khủng bố, nghĩa là khủng bố toàn bộ xã hội, khủng bố cả thân xác lẫn tinh thần và trí tuệ. Cấm suy nghĩ, xóa bỏ thông tin, sự đối trả phải được độc quyền ngôn luận nếu không muốn trở thành vô hiệu lực và vô duyên.

Đã có khá nhiều thảo luận xem ai đã là tác nhân của sự sụp đổ của bức tường Berlin và chủ nghĩa cộng sản. Một số khá đồng cho rằng đó là thành quả của tổng thống Reagan ; ông đã phục hồi được nước Mỹ, lôi kéo Liên Xô vào một chạy đua vũ trang kiệt quệ, nhất là ông đã tuyên bố một câu để đời ngay tại bức tường Berlin "Mister Gorbachev, tear down this wall !" (Ông Gorbachev ơi, hãy giật bức tường này xuống đi !). Nhiều người khác đề cao vai trò của giáo hoàng John Paul II. Cũng có những người cho rằng đó là công lao của những người dân chủ kiên cường Đông Âu, những Walesa, Geremic, Kuron, Havel v.v. Tất cả những vị này quả nhiên đều đã có đóng góp quan trọng nhưng lý do chính vẫn là sự sụp đổ của bức tường Berlin và chủ nghĩa cộng sản đã đến sau một tiến trình đã chín muồi, như một trái cây rụng vì đã quá chín.

Đặc tính chung của mọi đảng cộng sản, không trừ một ngoại lệ nào, là sau khi đã cướp được chính quyền chúng dần dần hoá thân thành một giai cấp bóc lột. Lý do là vì chủ nghĩa Marx hoàn toàn không phải là một lý thuyết diều hành quốc gia. Ngoài những xác quyết và những hứa hẹn hoàn toàn không liên quan gì đến những việc phải làm và phương thức để làm (vật chất có trước tinh thần, lịch sử nhân loại là dấu tranh giai cấp, làm theo khả năng hưởng theo nhu cầu v.v.), nó không có gì cả. Người ta không tìm thấy trong chủ nghĩa Marx một hướng giải quyết cho một vấn đề nào cả, dù là ngân sách hay giáo dục hay bất cứ một vấn đề nào khác. Chế độ cộng sản vì thế chỉ là sự tùy tiện - Lenin từng khẳng định "chính quyền cách mạng" không lệ thuộc bất cứ một luật pháp nào. Hơn thế nữa, nó còn là sự tùy tiện của những người không hiểu biết bởi vì cũng theo Lenin bất cứ đảng viên cộng sản nào chỉ cần biết đọc biết viết cũng có thể làm công tác lãnh đạo. Trong những điều kiện như vậy chính quyền trở thành bộ máy cướp bóc và đảng cầm quyền trở thành một giai cấp bóc lột là điều tự nhiên và bắt buộc.

Sự sụp đổ của bức tường Berlin đã kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng của tất cả các chế độ cộng sản Đông Âu và làm chinh Liên Xô tan vỡ. Nhưng điều cũng rất quan trọng là nó đã làm sụp đổ luôn một chủ nghĩa khác, đó là chủ nghĩa cách mạng bạo lực. Các chế độ cộng sản đã cướp đoạt khái niệm cách mạng và tự đồng hoá với cách mạng và đã được hưởng nhiều ngưỡng mộ nhờ tính lâng mạn của khái niệm tai hại nhưng rất thu hút này. Thành tích quá tồi tệ của các chế độ cộng sản được phơi bày sau khi bức tường Berlin sụp đổ đã khiến cách mạng bạo lực trở thành ghiếc.

Năm 1989 đã là một khúc quanh rất quan trọng trong lịch sử thế giới, có thể là quan trọng nhất thế kỷ 20, vì nó làm thay đổi vĩnh viễn cách suy nghĩ và hành động. Nhưng 1989 cần được nhìn một cách dài hạn vì kết quả cụ thể và túc khắc của nó thực ra không nhiều. Đừng nên quên rằng trước đó vài tháng đã có cuộc thảm sát Thiên An Môn ; các đảng cộng sản vẫn còn cầm quyền tại Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Cao Ly và Cuba ; ngay tại chính nước Nga và đa số các

nước thuộc Liên Xô cũ các tập đoàn xuất phát từ bộ máy cộng sản vẫn tiếp tục cai trị. Điều khác biệt là chúng không còn hoành hoang như là các chính quyền cách mạng theo đuổi một lý tưởng quảng đại nào mà chỉ còn là những tập đoàn bạo ngược. Đó là những chính quyền không còn lý do tồn tại mà sự đào thải chỉ còn là một vấn đề thời gian.

Năm 1989 cũng cần được nhìn trong bối cảnh quốc tế từ bốn thập niên qua. Dù có tin ở sự hiện hữu của các chu kỳ khủng hoảng hay không cũng phải nhìn nhận một sự kiện là các mâu thuẫn lớn đã chín muồi một cách đều đặn tạo ra những đảo lộn quan trọng khoảng mười năm một lần.

Cuộc cách mạng 1968 đã là sự xét lại của chế độ dân chủ và chủ nghĩa tư bản và đã kết thúc với kết luận là dân chủ mặc dù những thiếu sót của nó vẫn là chế độ chính trị đúng đắn nhất.

Mười năm sau, trong hai năm 1979 và 1980, với Ronald Reagan tại Mỹ và Margaret Thatcher tại Anh, chủ nghĩa kinh tế tự do được khẳng định một cách mạnh mẽ ; tập đoàn Đặng Tiểu Bình chấp nhận kinh tế thị trường và mở cửa Trung Quốc ra với thế giới ; Liên Xô lao đầu vào cuộc chiến tranh tự sát tại Afghanistan ; Khomeiny nắm chính quyền và thành lập một chế độ Hồi Giáo toàn nguyên tại Iran, mở đầu một cuộc clash of civilisations (dụng độ văn hoá). Hai năm 1979 và 1980 đã là giai đoạn nhiều biến động lớn nhất từ sau thế chiến II. Các chủ nghĩa toàn trị, thế quyền cũng như thần quyền, bị đẩy tới chân tường đã phản ứng mạnh mẽ để tồn tại, hoặc bằng cách phản công hung bạo như Brezhnev và Khomeiny, hoặc bằng cách nhượng bộ như trưởng hợp Đặng Tiểu Bình.

Năm 1989 đến lượt bức tường Berlin, chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới sụp đổ, các biến cố tuy không dữ dội như mười năm trước nhưng có ảnh hưởng quyết định hơn nhiều về lâu về dài trên hướng đi của thế giới.

Đến năm 2001, cuộc tấn công của Al Qaeda vào World Trade Center và phản ứng của Hoa Kỳ và thế giới sau đó mở ra giai đoạn chống khủng bố, xác nhận sự kiện các thế lực chống dân chủ bị biến tể hoá thành những lực lượng khủng bố tuyệt vọng và bị thù ghét.

Năm 2008, chủ nghĩa kinh tế tự do lâm vào khủng hoảng nặng sau hơn một thập niên thả lỏng những phương pháp nguy hiểm : ngoại thương bất chấp thăng bằng của cán cân mậu dịch, bóc lột dã man công nhân để xuất khẩu hàng hóa với giá rẻ, subprimes, credit default swaps và derivatives v.v. Cũng như cuộc khủng 1968 bốn thập niên trước, người ta đã nhanh chóng nhận ra rằng không phải chủ nghĩa kinh tế tự do mà chính sự vi phạm những nguyên tắc cơ bản của nó đã dẫn đến đổ vỡ ; chủ nghĩa kinh tế tự do được tái khẳng định.

Nhận định cơ bản là trong bốn thập niên qua, các đảo lộn lớn diễn ra khoảng mười năm một lần đều có tác dụng khiến thế giới lành mạnh hơn sau khi giải phẫu được một số tật bệnh do quá khứ để lại.

Trong tương lai thế giới sẽ còn phải giải quyết những vấn đề lớn khác. Hồi Giáo sẽ bắt buộc phải thích nghi với thời đại mới, như Thiên

Chúa Giáo đã từng phải trải qua cuộc xét lại nhức nhối trong thế kỷ 18 ; các chế độ độc tài xuất phát từ chủ nghĩa Mác-Lênin tại Trung Quốc và Nga phải bị đào thải ; sự đào thải sẽ diễn ra như thế nào và vào lúc nào còn là một câu hỏi nhưng bắt buộc phải diễn ra bởi vì Nga là một nước đang trên đà phá sản và Trung Quốc đang tích lũy những mâu thuẫn nghiêm trọng và hiểm nghèo. Đó là chỉ kể những vấn đề chính trị nóng bỏng. Việt Nam có nguy cơ bị quên lãng trong quan tâm của thế giới vì những vấn đề lớn này, như đang bị quên lãng hiện nay vì cuộc chiến tranh chống khủng bố và cuộc khủng hoảng kinh tế. Bối cảnh thế giới tuy thuận lợi cho dân chủ nhưng để ra khỏi chế độ cộng sản chúng ta chỉ có thể trông đợi ở chính mình.





Hai mươi năm sau, kỷ niệm ngày bức tường Berlin sụp đổ, một người Việt Nam khó có thể không bùi ngùi. Vẫn những câu hỏi day dứt : tại sao chúng ta lại sa vào ách cộng sản và chừng nào chúng ta mới ra khỏi ?

Ngày hôm nay nếu đặt câu hỏi "nếu không có chủ nghĩa cộng sản Việt Nam giờ này sẽ khác hơn hay kém hơn ?" thì chắc chắn mọi người đều

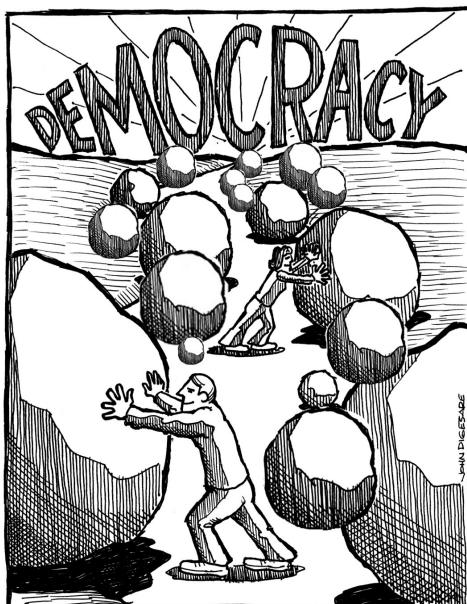
trả lời như nhau : chúng ta sẽ khác hơn nhiều, rất nhiều. Điều đau đớn và hổ nhục nhất là chủ nghĩa cộng sản đã được du nhập vào Việt Nam 75 năm sau khi nó đã bị từ bỏ như một sai lầm ngớ ngẩn tại châu Âu, và dù vậy vẫn toàn thắng 30 năm sau đó. Không những thế nó còn tiếp tục tồn tại, sau khi hóa thân thành một chính quyền cướp bóc, như là một thách đố đối với trí tuệ và phẩm giá của người Việt Nam mà không gặp một chống đối đáng kể nào. Trước mặt nó vẫn chưa có một lực lượng dân chủ có tầm vóc.

Trong bài viết năm 1986 đã nhắc tới ở phần trên, khi dự đoán sự sụp đổ của chủ nghĩa và phong trào cộng sản, tôi đã không mấy lạc quan về hạn kỳ dân chủ. Tôi cho rằng chúng ta sẽ chỉ có thể có dân chủ sớm nhất là sau mươi năm, nhưng cũng có thể là 25 năm nếu chúng ta không nhanh chóng đổi mới cách suy nghĩ và hành động. Ngày nay, dự đoán bi quan nhất đã trở thành quá lạc quan. Vì một bức tường khác, một bức tường Việt Nam, vẫn chưa sụp đổ : bức tường văn hóa và tâm lý. Do di sản Khổng Giáo, chúng ta đã dịch chữ politics thành "chính trị" và hiểu nó như là sự tranh giành quyền lực thay vì là việc làm chung của nhiều người và coi hoạt động chính trị như là những cố gắng cá nhân để được làm quan thay vì là những đóng góp và hy sinh cho một cuộc đấu tranh tập thể vì một lý tưởng quảng đại. Do di sản của ngoại thuộc, chúng ta không tin tưởng ai Việt Nam phải do người Việt Nam quyết định và chờ đợi để được một thế lực nào đó đưa lên cầm quyền hay mời ra làm quan. Kết quả là chúng ta có thừa nhân sĩ nhưng lại không có nổi một tổ chức dân chủ có tầm vóc ; những cố gắng nghiêm túc bị chìm đắm trong khối xô bồ của những loay hoay vô nghĩa. Và đất nước tiếp tục quằn quại trong nghèo khổ, tụt hậu và kìm kẹp. Đến bao giờ ?

Các thế hệ Việt Nam mai sau khi phải tiếp nhận di sản bi đát này chắc chắn sẽ gào thét trên kín ức của ông cha : "Tại sao ?".

Nguyễn Gia Kiểng

(*) "Ta có thể thăng", Nguyễn Gia Kiểng, Tự Do số 44, 16-6-1986. Bản nguyệt san Tự Do do ông Phạm Việt Tuyền làm chủ bút xuất bản tại châu Âu từ 1984 đến 1986. Web Thông Luận có đăng lại bài này nhân dịp kỷ niệm 17 năm ngày bức tường Berlin sụp đổ (<http://thongluan.org/vn/modules.php?name=News&file=article&sid=1234>)



Tham luận

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyện không chống Trung Quốc

Việt Hoàng

Việt Nam và Trung Quốc là hai đất nước có chung đường biên giới từ bao đời. Tuy có nhiều nét tương đồng về văn hóa, về tôn giáo và mô hình chính quyền (trước đây là phong kiến và hiện nay là cộng sản), thế nhưng dù rằng "núi liền núi, sông liền sông" nhưng Việt Nam là một nước độc lập hoàn toàn với Trung Quốc.

Lịch sử đã chứng minh điều đó. Sau gần một nghìn năm Bắc thuộc, năm 939 Ngô Quyền xưng Vương và mở ra một kỷ nguyên mới cho Việt Nam : một kỷ nguyên độc lập và tự chủ.

Sự độc lập đó đã được các vị hoàng đế Việt Nam khẳng định trong suốt chiều dài lịch sử 900 năm từ ngày lập quốc. Khẳng định rõ ràng nhất về chủ quyền dân tộc Việt Nam thời phong kiến là hai bài "Tuyên ngôn độc lập" bất hủ : "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" của Lý Thường Kiệt và bài "Binh ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi.

Có lẽ do các triều đình phong kiến Trung Quốc đã ngộ nhận, xem Việt Nam như là một phần đất của Trung Quốc nên đã nhiều lần đem quân xâm chiếm Việt Nam. Trong 900 năm, từ năm 939 đến năm 1858, khi thực dân Pháp đánh chiếm Việt Nam thì các chế độ phong kiến Trung Quốc đã bảy lần gây hấn xâm lược. Hai lần do nhà Tống chúa trưởng, ba lần nhà Nguyên, một lần nhà Minh và một lần nhà Thanh. Các triều đình phong kiến Việt Nam và nhân dân Việt Nam đã đẩy lui tất cả các cuộc tấn công đó. Chỉ có một lần duy nhất Việt Nam thất bại là dưới thời nhà Hồ, do nhà Hồ dành ngôi bất chính nên nhân dân bất phục. Tuy nhiên chỉ 20 năm sau Lê Lợi đã đuổi được quân Minh về nước và Việt Nam lại dành được độc lập.



Lịch sử dựng nước của Việt Nam gắn liền với công cuộc chống ngoại xâm. Lịch sử của 1000 năm giữ nước đó đã hun đúc nên một tinh thần dân tộc và tinh thần yêu nước nồng nàn trong từng con người Việt Nam.

Trung Quốc là một nước lớn, dân tộc Trung Quốc là một dân tộc vĩ đại. Trung Quốc có một nền văn hóa và một nền văn minh lâu đời. Đó có những giai đoạn Trung Quốc tự cho là 'trung tâm' của thế giới. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử ngày hôm nay Trung Quốc đang dần dần lấy lại vai trò và vị trí trung tâm ấy của mình. Trung Quốc đang trở thành một siêu cường và là một cực quan trọng trên bàn cờ thế giới mới.

Nhân dân Việt Nam vui mừng và ủng hộ cho tham vọng chính đáng đó của nhân dân và chính quyền Trung Quốc.

Sống bên cạnh một người hàng xóm khổng lồ và là một siêu cường về kinh tế, chính trị, văn hóa thì nhân dân Việt Nam sẽ có lợi, bởi mấy lý do : "Phú quý sinh lẽ nghĩa", một nước Trung Quốc giàu có và hùng mạnh thì thái độ sẽ ôn hòa hơn, lịch sự hơn, có tình cảm nghĩa hơn. Thứ hai khi Trung Quốc trở thành một siêu cường thì Trung Quốc phải hành xử một cách văn minh theo đúng các chuẩn mực quốc tế, có thể Trung Quốc mới thuyết phục được các nước khác.

Để có được điều đó thì quan hệ của Trung Quốc với các nước nhỏ và láng giềng phải tốt đẹp mới thuyết phục được các nước ở xa như Châu Phi hay Châu Mỹ La Tinh. Thứ ba là nếu Trung Quốc muốn trở thành người dẫn dắt thế giới thì bắt buộc phải có đồng minh và bạn bè, Việt Nam tuy nhỏ nhưng vẫn là một thành viên của Liên Hợp Quốc và là một tiếng nói quan trọng trong ASEAN.

Người Việt Nam có câu "bán bà con xa mua láng giềng gần" để nói lên tầm quan trọng trong quan hệ với hàng xóm, láng giềng. Tôn trọng truyền thống và lời dạy của ông bà, nhân dân Việt Nam luôn mong muốn xây dựng mối quan hệ tốt đẹp, hòa bình và hữu nghị với tất cả láng giềng của mình như Trung Quốc, Lào, Campuchia. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một tổ chức chính trị đứng đắn nên chúng tôi rất coi trọng việc phát triển các mối quan hệ với các nước láng giềng. Chúng tôi sẽ làm tất cả để mang lại hòa bình và ổn định trong khu vực.

Thế nhưng quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam đang xấu đi và có nguy cơ dẫn đến những rạn nứt lớn. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên lo lắng và rất mong muốn chính phủ và nhân dân Trung Quốc cùng lắng nghe những tiếng nói của chúng tôi, những tiếng nói ôn hòa, không cực đoan và không mang tính chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

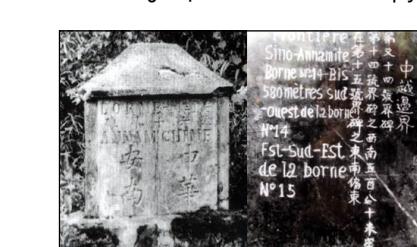
Vấn đề nổi cộm nhất khiến quan hệ hai nước xấu đi là "vấn đề lãnh thổ". Việc chính quyền Trung Quốc "đi đêm" với chính quyền Việt Nam trong việc cắm mốc biên giới và lãnh thổ đã khiến người dân Việt Nam bất bình. Nếu là việc làm quang minh và chính đại thì chính quyền Trung Quốc cần yêu cầu chính quyền Việt Nam thông tin rộng rãi và minh bạch để dân chúng biết rõ. Liên quan đến chủ quyền của Trung Quốc và Việt Nam trên biển Đông cũng vậy. Nếu Trung Quốc có đầy đủ các bằng chứng để chứng minh chủ quyền của mình thì cần đưa vấn đề ra trước công luận và các định chế quốc tế cho mọi sự rõ ràng, minh bạch.

Sự "mập mờ" hiện nay của Trung Quốc khiến cho người dân Việt Nam không yên tâm và họ có quyền ngờ.

Chính quyền cộng sản Việt Nam hiện nay đã đứng ra đàm phán các vấn đề về lãnh thổ với Trung Quốc một cách hoàn toàn bí mật, nhân dân Việt Nam không hề hay biết gì, và thậm chí các vị đại biểu quốc hội cũng không được thông báo gì về việc này. Vì vậy để tránh mọi sự rắc rối sau này (khi một chính thể mới ở Việt Nam được bầu lên và chế độ mới có thể không thừa nhận tính pháp lý trong các văn bản mà chính quyền hiện nay đã ký kết với Trung Quốc) và để người dân Việt Nam yên lòng và tin tưởng vào một siêu cường Trung Quốc thì việc minh bạch các vấn đề liên quan đến vấn đề lãnh thổ là vấn đề mà Trung Quốc rất cần phải làm.

Một dư luận không tốt nữa trong dân chúng Việt Nam đối với Trung Quốc là việc Trung Quốc đã can thiệp sâu vào việc nội bộ của Việt Nam như việc tác động đến việc sắp xếp nhân sự cao cấp ở trung ương, hay việc "vận đồng ngầm" các quan chức cao cấp Việt Nam thân Trung Quốc để dành các hợp đồng khai thác tài nguyên như bô xít ở Tây Nguyên...

Trung Quốc là một nước lớn nên vấn đề uy tín và danh dự rất quan trọng trong khi đó uy tín của chính quyền Việt Nam hiện nay không có gì để nói thậm chí ngay cả với chính nhân dân Việt Nam. Trung Quốc càng "hậu thuẫn" cho chính quyền Việt Nam hiện nay bao nhiêu



thì càng "mất điểm" trong con mắt người dân Việt Nam bấy nhiêu. "Quan nhất thời, Dân vạn đại", các chế độ cầm quyền Việt Nam có thể thay đổi chủ nhân dân Việt Nam thì không bao giờ thay đổi, vì vậy Trung Quốc sẽ lợi hơn rất nhiều

khi "chinh phục" được cảm tình của nhân dân Việt Nam hơn là với chính quyền Việt Nam cộng sản.

Có thể ai đó cho rằng với chế độ Việt Nam hiện nay thì Trung Quốc mới có thể "nói chuyện" được còn một thể chế chính trị khác thì Trung Quốc sẽ gặp khó khăn! Điều này rất là bậy bạ, vô căn cứ và coi thường Trung Quốc. Ngay cả các siêu cường như Mỹ, Nga, Nhật... còn phải nể trọng Trung Quốc huống gì một kẻ "thấp bé nhẹ cân" như Việt Nam.

Là một tổ chức chính trị của người Việt Nam, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng chúng tôi sẽ hợp tác một cách toàn diện và đầy thành ý với bất cứ thể chế nào của Trung Quốc.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không chỉ trướng chống Trung Quốc hay bài xích Trung Quốc cũng như không hô hào, cổ vũ cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi.

Chúng tôi chỉ có hai điều kiện đơn giản đó là Trung Quốc cần tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và Trung Quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Hai vấn đề trên chúng tôi xem là nhỏ với Trung Quốc bởi vì Trung Quốc là nước lớn, có được thêm vài km vuông đất của Việt Nam thì cũng không giải quyết được việc gì. Một chút lãnh thổ đó không đáng để Trung Quốc đánh đổi lấy niềm tin của nhân dân Việt Nam và dư luận thế giới. Trong nền kinh tế hội nhập toàn cầu thì sự "hợp tác đôi bên cùng có lợi" tốt hơn và dễ dàng hơn nhiều so với việc dùng vũ lực để giải quyết. Việc "can thiệp vào chuyện nội bộ của Việt Nam" cũng vậy, đức Khổng Tử dạy rằng "những gì mình không muốn thì không nên làm cho người khác". Thế kỷ 21 là của Trung Quốc vì vậy Trung Quốc cần hành xử với các nước bé và láng giềng một cách văn minh, có lý có tình, vì chỉ có như thế Trung Quốc mới thuyết phục được cả thế giới. Không nên vì vấn đề nhỏ với Việt Nam mà làm sút mè uy tín của Trung Quốc. Cuộc chiến giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 1979 vẫn còn đó với nỗi đau không nguôi cho cả hai dân tộc. Cuộc chiến ngắn ngủi giữa Nga và Gruzia đã làm cho đế quốc Nga mất nhiều hơn là được và qua đó càng làm cho hình ảnh nước Nga xấu đi.

Trong cuộc chiến tranh Nga-Gruzia chúng tôi tin rằng có thể Nga "hành động đúng" nhưng truyền thông Phương Tây và các nhà Tư bản Phương Tây đã không bỏ lỡ cơ hội để "tấn công" nước Nga. Mục đích của họ cũng dễ thấy đó là làm hạ uy tín nước Nga, vì họ lo lắng nước Nga sẽ vượt qua nước họ.

Chúng tôi tin là các nhà chính trị Trung Quốc thấy được điều đó. Vì vậy việc xây dựng quan hệ hữu nghị và tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc là vô cùng cần thiết và phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước. Trong đó Trung Quốc có lợi nhiều hơn. Trung Quốc ngày nay đã là "nồi đồng, nồi vàng", còn Việt Nam chỉ là "nồi đất" cho nên không ai lại "đổi nồi đồng lấy nồi đất".

Để mối quan hệ giữa hai nước được bền vững thì Trung Quốc phải chú ý đến tâm tư, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam chứ không phải chỉ với chính quyền Việt Nam hiện nay.

Quả bóng đang nằm trong chân phía Trung Quốc. Việc Trung Quốc "o bế" chính quyền Việt Nam mà "hy sinh" quyền lợi của nhân dân Việt Nam là lựa chọn không phù hợp với tham vọng làm bá chủ thế giới của Trung Quốc.

Việt Hoàng

(Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

Vụ án Khmer Đỏ

Tính công bằng của nền công lý quốc tế cần phải xét lại

Nguyễn Văn Huynh

Những bất thường chung quanh vụ án

Sau 9 tháng luận tội, ngày 24-11-2009, bà Chea Leang, công tố viên quốc tế phiên tòa xét xử tội ác Khmer Đỏ, đọc bản nghị tội và đề xuất án tù 40 năm dành cho Klaing Guek Eav, bí danh Duch, về tội ác chống loài người.

Ngay tức thì một làn sóng phản đối liền xảy ra. Dự luận Campuchia và quốc tế cho rằng án tù 40 năm là quá nhẹ so với tội ác mà Duch đã gây ra. Trong suốt thời gian làm trưởng trại giam

S-21 (Sécurité 21) tại Toul Sleng (Phnom Penh), Duch và bộ hạ đã tra tấn và sát hại hơn 16.000 người, trong đó có cả đàn bà và trẻ em. Đối với nhiều người, vì quyền hạn của tòa án quốc tế này không thể áp đặt án tử hình, án tù chung thân mới xứng đáng cho dù năm nay Duch đã 67 tuổi.

Theo lời những người sống sót kể lại, Duch đã cùng bộ hạ sử dụng những dụng cụ thô sơ nhưng rất tàn ác để tra tấn và gây đau đớn cho đến chết như dao, kéo, kẽm, kẹp, búa, liềm, giây kẽm gai, giây điện, roi mây... Những ai nhận tội làm gián điệp thì bị đập đầu bằng cuốc, seng và gậy sắt để tiết kiệm đạn, hay bị treo cổ, xác bị vứt vào một hố chôn tập thể cạnh đó. Những người không chịu nhận tội thì bị bỏ đói, hay bị kẹp điện trên những giường sắt để cơ thể bị lõi loét cho đến chết. Nhiều người còn bị cắt lỗ tai, chặt ngón tay hay ngón chân, kẻ cả bộ phận sinh dục, để cơ thể chảy hết máu và chết trong đau đớn. Nhiều nhân chứng kể rằng Duch đã bắt những nạn nhân, đa số là thành phần trí thức của chế độ cũ, ăn cút và uống nước đái của chính mình nếu không sẽ bị hành hạ cho đến chết trong đau đớn.

Nhưng điều làm mọi người kinh ngạc, kể cả François Roux luật sư biện hộ người Pháp, là Duch xin được tha bổng. Được cố vấn bởi một luật sư người Khmer (Kar Savuth), Duch cho rằng tòa án này không có thẩm quyền phán quyết ông vì ông đã thực hiện đầy đủ những gì mà tòa án muốn: thành khẩn nhận tội và công khai xin lỗi gia đình những nạn nhân. Phải chờ đến tháng 3-2010, mọi người mới biết phán quyết cuối cùng của Tòa án xét xử tội ác Khmer Đỏ này như thế nào.

Cho đến nay, chỉ 5 cựu lãnh tụ Khmer Đỏ bị mang ra truy tố trước phiên tòa hình sự quốc tế này, Duch là người đầu tiên. Bốn người còn lại là các ông Khieu Samphan, cựu chủ tịch nước, đang được tại ngoại hầu tra; Nuon Chea (Long Bunruot), nhân vật số 2 của chế độ Khmer Đỏ, cựu chủ tịch quốc hội, được coi là người hung bạo nhất, đang bị giam; Ieng Sary, em rể của Pol Pot, nhân vật số 3, cựu phó thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao, đang bị giam lỏng tại gia cùng với vợ là bà Ieng Thirith, chị của Khieu Ponnary (vợ đầu tiên của Pol Pot), cựu bộ trưởng các vấn đề xã hội. Tất cả sẽ bị đem ra xét xử vào đầu năm 2011.

Có một cái gì đó không bình thường trong vụ xử này. Chính quyền Kampuchia Dân Chủ, còn gọi là Khmer Đỏ, đã bị đánh đuổi ra khỏi nước từ tháng 1-1979, tại sao phải chờ đến 30 năm sau những thủ phạm diệt chủng mới bị tòa án quốc tế đem ra xét xử. Trong suốt thời gian đó, những thủ phạm chính của cuộc diệt chủng vĩ đại đã lẩn lướt qua đời một cách "tự nhiên" như:

- Pol Pot (Saloth Sar), nhân vật số 1, mất năm 1998 vì bệnh tim, thọ 69 tuổi;

- Ta Mok (Chhit Chhoeun), nhân vật số 7 khét tiếng với danh xưng "đồ tể" và "tướng một chân", là người trực tiếp chỉ đạo những cuộc tàn sát tập thể trên "những cánh đồng chết" và sau 1979 tiếp tục kháng



chiến chống Việt Nam trên địa bàn Pailin và Anlong Veng, vùng tây-bắc Campuchia. Năm 1997, Ta Mok bắt giữ Pol Pot và lãnh đạo phong trào Khmer Đỏ. Năm 1999, ông bị bắt và chết già năm 2006 trong bệnh viện, thọ 80 tuổi;

- Son Sen (thọ 67 tuổi), cựu bộ trưởng quốc phòng. Năm 1997, tình nghi ra đầu thú với chính quyền Hun Sen, Pol Pot đã ra lệnh cho bộ hạ dùng xe cán chết cả gia đình gồm Son Sen, vợ là bà Yun Yat và 11 người con;

- Ke Pauk, nhân vật số 13, cựu bí thư chỉ huy quân khu Đông, chết tự nhiên năm 2002 tại mặt khu Anlong Veng, thọ 68 tuổi.

Những thủ lĩnh này, trong suốt bốn năm cầm quyền, từ tháng 4-1975 đến tháng 1-1979, đã sát hại từ 1,5 triệu đến 1,7 triệu người, tức hơn một phần tư dân số Campuchia vào thời điểm 1975 (7,1 triệu dân). Cho đến nay không ai biết chính xác số người bị thiệt mạng dưới chế độ Khmer Đỏ là bao nhiêu, nhưng theo các quan sát viên quốc tế và ước lượng của Liên Hiệp Quốc, con số 1,7 triệu người là khá trung thực.

Hiện nay còn rất nhiều cựu cán bộ Khmer Đỏ sinh sống và hòa nhập một cách bình thường vào đời sống dân gian và ngay cả trong chính quyền. Phần lớn những người đang nắm giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền và quân đội hiện nay là những cựu cán bộ Khmer Đỏ. Chính sự gắn bó trực tiếp của những người đang cầm quyền tại Campuchia với chế độ Khmer Đỏ này đã làm chậm trễ việc thành lập "Những phòng luận tội bất thường thuộc tòa án Campuchia" (ECCC-Extraordinary Chambers in the Courts of Cambodia do Liên Hiệp Quốc tài trợ), gọi tắt là "Tòa án xét xử tội ác Khmer Đỏ".



Người gây khó khăn chính cho tiến trình xét xử này là đương kim thủ tướng Hun Sen, ông không muốn truy tố thêm những cựu lãnh đạo Khmer Đỏ khác, vì chính ông cũng là một cựu cán bộ Khmer Đỏ ly khai và hợp tác với Việt Nam từ năm 1978. Lý do được đưa ra là nếu truy tố thêm những cựu lãnh tụ Khmer Đỏ khác, Campuchia có nguy cơ rơi vào nội chiến vì đa số các cấp chỉ huy trong quân đội hiện nay là những cựu thành viên Khmer Đỏ. Sự ngăn chặn này, theo ông, là để bảo vệ hòa bình và tiến trình hòa giải dân tộc. Năm 1996, Hun Sen đã ra lệnh ân xá những cựu lãnh tụ Khmer Đỏ và kêu gọi họ về hợp tác với chính quyền. Chính những cựu chỉ huy Khmer Đỏ này đang trực tiếp bảo vệ ngôi đền Preah Vihear phía bắc Campuchia, chống trả lại những đợt tấn công của quân đội Thái Lan trong những năm gần đây.

Ngoài ra Hun Sen còn có lý khi đòi Liên Hiệp Quốc phải xin lỗi dân tộc Campuchia, hay ít nhất nhận lỗi lầm khi tiếp tục ủng hộ chế độ Khmer Đỏ sau 1979. Thay vì nhìn nhận chính quyền mới do Việt Nam thành lập sau 1979, Liên Hiệp Quốc đã không những tiếp tục dành cho chế độ Khmer Đỏ một ghế đại diện tại Liên Hiệp Quốc cho đến 1991 mà còn cô lập Việt Nam và Cộng Hòa Nhân Dân Kampuchia trên các diễn đàn quốc tế. Chính vì sự lấn cấn này mà Liên Hiệp Quốc đã thành lập trong muộn màng "Những phiên tòa bất thường" để xét xử những lãnh tụ Khmer Đỏ về "tội ác chống loài người" và "tội ác chiến tranh". Điều làm mọi người ngạc nhiên là tội danh "diệt chủng" không hề được nhắc tới.

Một sự kiện bất bình thường khác là việc thành lập một tòa án quốc tế xét



5 tội phạm đang chờ bị xét xử : Ieng Sary, Ieng Thirith, Duch, Khieu Samphan và Nuon Chea

xử tội ác Khmer Đỏ ngay trên quê hương những cựu thành viên Khmer Đỏ đang cầm quyền. Chính vì thế những cuộc thương lượng thành lập tòa án đã bắt đầu từ 1997, nhưng phải chờ tới 2007 mới chính thức được hoạt động. Liên Hiệp Quốc đã làm rất nhiều nhượng bộ với chính quyền Hun Sen để được phép tổ chức xét xử những lãnh tụ Khmer Đỏ. Nhượng bộ quan trọng nhất là sự cất đặt người vào thẩm phán đoàn, trong đó 11 trên tổng số 19 thẩm phán là người Khmer do Hun Sen đưa vào. Sự chỉ định này hoàn toàn mang tính chính trị, kết quả của những bản án do đó có thể biết trước. Thấy trước nguy cơ mất độc lập trong các phán quyết, công tố viên quốc tế người Canada, Roger Petit, tố cáo sự can thiệp của chính quyền Khmer vào luật pháp quốc tế và từ chức trước khi diễn ra cuộc luận tội Duch tháng 3-2009. Nhượng bộ thứ hai là Liên Hiệp Quốc đã chỉ ra một số tiền khổng lồ (56,3 triệu USD) để xây dựng và thành lập thẩm phán đoàn xét xử tội phạm, nhưng chỉ được quyền xử... 5 người vì Hun Sen không muốn tòa án này truy tố thêm những người khác.

Phải cảm ơn dân tộc Việt Nam

Trong suốt quá trình thành lập và xét xử của những phiên tòa quốc tế này, không một người nào hay văn kiện nào nhắc đến công lao giải phóng dân tộc Khmer khỏi ách diệt chủng của Việt Nam. Trong chưa đầy bốn năm cầm quyền, từ ngày 17-4-1975 đến cuối tháng 1-1979, chế độ Khmer Đỏ đã tàn sát hơn một phần tư dân số. Nếu chế độ này tồn tại thêm vài năm nữa, những cuộc thanh trừng nội bộ và nạn đói sẽ hoàn tất tiến trình diệt chủng. Nếu không có cuộc tấn công của quân đội cộng sản Việt Nam vào chế độ Khmer Đỏ năm 1979, có lẽ đất nước và dân số Campuchia đã không trù phú và đông đảo như hiện nay. Liên Hiệp Quốc đã không có một lời cảm ơn nào đối với dân tộc Việt Nam khi tiếp thu một nước Campuchia hòa bình và ổn định năm 1989.

Thêm vào đó, tòa án hình sự quốc tế này chỉ tập trung vào những tội ác do Khmer Đỏ gây ra cho người Khmer mà không hề đề cập đến những tội ác do Khmer Đỏ đã gây ra cho kiều dân Việt Nam sinh sống trên đất Chùa Tháp và dân cư Việt Nam sinh sống dọc vùng biên giới tây-nam. Trong những năm 1975-1978, hơn 10.000 thường dân Việt Nam, đa số là đàn bà, trẻ em và các cụ già sinh sống dọc vùng biên giới tây-nam không trốn chạy kịp đã bị sát hại trong những điều kiện rất là dã man : chặt đầu, mổ bụng thả trôi sông. Trong cuộc tấn công ngày 18-4-1978 vào thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, cách biên giới Campuchia 7 km, quân Khmer Đỏ đã tàn sát 3.157 người. Trước đó, ngày 25-9-1977, trong đợt tấn công các huyện Tân Biên, Bến Cầu, Châu Thành (tỉnh Tây Ninh), quân Khmer Đỏ đã đốt 471 ngôi nhà và giết gần 800 thường dân. Thị xã Hà Tiên đã bị chiếm giữ trong một thời gian. Quyết tâm gây hấn và tàn sát người Việt Nam của Khmer Đỏ là có thật.

Cũng nên biết, trong khoảng thời gian từ 1975 đến 1978, được cố vấn Trung Quốc huấn luyện và trang bị, quân Khmer Đỏ từ những nhóm du kích nhỏ và cách biệt nhau trong các mảnh đất, đã được tổ chức thành những đơn vị chính qui rất thiện chiến. Với 2 tàu chiến tốc độ cao, 4 tàu tuần tiễu, 200 xe tăng, 300 xe bọc thép, 300 khẩu đại pháo, 6 máy bay tiêm kích, 2 máy bay ném bom, 2 máy bay vận tải, 1.300 xe vận tải, hơn 100.000 súng ống đủ loại và 30.000 tấn đạn dược do Trung Quốc viện trợ, quân Khmer Đỏ gây nhiều tổn thất về vật chất và nhân mạng cho bộ đội cộng sản Việt Nam : 6.902 người chết và 30.642 người bị thương.

Chính vì thế, cuộc tiến quân giải phóng Campuchia khỏi ách diệt chủng Khmer Đỏ là một cố gắng đáng ghi nhận của quân đội cộng sản Việt Nam mà ít tài liệu quân sự quốc tế nào nhắc tới. Chỉ trong một tháng, toàn bộ lực lượng quân sự hùng hậu của Khmer Đỏ gồm 19 sư đoàn (khoảng 70.000 quân) đã bị đánh bại, hơn 30.000 quân phải chạy sang Thái Lan lánh nạn để sau đó, được Trung Quốc viện trợ và Thái Lan ủng hộ, trở về Campuchia đánh du kích. Sự thiệt hại

về nhân mạng của quân đội cộng sản Việt Nam rất là đáng kể, trong đợt tiến công tháng 1-1979 : gần 3.000 người chết và 8.500 người bị thương. Số thương vong gia tăng trong suốt thời gian ở lại giúp tân chính quyền Campuchia ổn định đất nước : khoảng 25.000 thanh niên Việt Nam đã chết trong các cuộc giao tranh lớn nhỏ từ 1979 đến 1989, trong đó lần đầu tiên một sĩ quan cao cấp : tướng Kim Tuấn, chỉ huy Quân đoàn 3, bị tử thương trên chiến trường Battambang-Siem Reap (cái chết này còn đầy nghi vấn) và hơn 50.000 người khác bị thương tật do mìn chống cá nhân gây ra. Theo ước tính của Liên Hiệp Quốc, phải mất 30 năm mới có thể vô hiệu hóa hơn 9 triệu mìn chống cá nhân được chôn rải khắp lãnh thổ Campuchia từ 1979 đến nay, đặc biệt là quanh các sào huyệt của Khmer Đỏ dọc vùng biên giới Thái Lan. Những mìn chống cá nhân này đã sát hại và làm cụt chân, cụt tay hàng trăm ngàn thường dân và trẻ em Khmer mà không một thủ phạm nào bị truy tố.

Công lao đánh bại quân Khmer Đỏ và xây dựng đất nước Campuchia từ 1979 đến 1989 thuộc về Việt Nam. Người có công loại trừ lực lượng chính qui Khmer Đỏ ra là tướng Lê Trọng Tấn, chỉ huy trưởng các lực lượng vũ trang trong suốt cuộc chiến tranh biên giới tây-nam. Người tổ chức và xây dựng chính quyền nước cộng hòa nhân dân Campuchia và cầm châm quân Khmer Đỏ dọc vùng biên giới Thái-Miền từ 1979 đến 1989 là tướng Lê Đức Anh, tư lệnh chiến dịch và trưởng ban lãnh đạo chuyên gia Việt Nam tại Campuchia. Tổng số nhân lực được huy động vào cuộc tấn công Khmer Đỏ trong tháng 1-1979 là 100.000 người (80.000 quân Việt Nam và khoảng 20.000 quân Khmer do Việt Nam đào tạo). Trong suốt thời gian xây dựng và củng cố chính quyền Khmer thân Việt Nam (1979-1989), hơn 100.000



thanh niên xung phong Việt Nam được đưa vào tăng viện. Với một quân số trên 180.000 người, ngoài công tác tổ chức và xây dựng lực lượng vũ trang (quân đội và công an), Việt Nam đã giúp Campuchia tái lập lại các đơn vị hành chánh từ cấp xã, ấp đến quận huyện và thành phố, cùng những cơ quan cấp bộ, ngành.

Bất công lớn nhất đối với Việt Nam là dư luận quốc tế không những đã không cảm ơn mà còn lên án Việt Nam là xâm lược. Ở lại trong một thời gian để củng cố và xây dựng một chính quyền từ số không là lẽ thường tình, nếu không muốn nói là bắt buộc. Sau khi đánh đổ Saddam Hussein, quân đội Hoa Kỳ đã ở lại Iraq từ 2003 đến nay để xây dựng và củng cố an ninh của chính quyền mới mà không hề bị Liên Hiệp Quốc lên án là xâm lược. Tại Afghanistan, từ 2001 đến nay, Hoa Kỳ và đồng minh đã ở lại mà không hề bị Liên Hiệp Quốc tố cáo là xâm lược. Tính công bằng của nền công lý quốc tế đối với Việt Nam cần phải xét lại.

Nhìn lại quá khứ, giúp người Khmer là một thông lệ có từ thế kỷ thứ 17 khi Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên giúp Jayajettha II (Chetta II) chiếm lại những vùng đất bị Xiêm La (nay là Thái Lan) chiếm đóng năm 1620. Không ai có thể tố cáo Việt Nam có tham vọng đất đai trên đất Chùa Tháp, kẻ thù của người Khmer chính là người Khmer. Những cuộc tàn sát lớn xảy ra trên lãnh thổ xứ Chùa Tháp từ trước đến nay do chính những dòng họ vua chúa Khmer và Xiêm La gây ra chứ không phải người Việt. Nhưng đối với một số lãnh tụ Khmer như Sam Rainsy và Kem Sokha, kể cả Sihanouk và vòng đai gia đình, chống Việt Nam là chiêu bài dễ dàng nhất để vận động quần chúng. Xúi giục người Khmer chống Việt Nam đã có từ thời Pháp thuộc trong chính sách chia để trị.

Hơn nữa, bảo vệ ổn định của Campuchia cũng chính là bảo vệ ổn định của Việt Nam và Lào, vì ba nước Đông Dương này không thể tồn tại độc lập với nhau. Nguy cơ hiện nay là, do thúc đẩy bởi tham vọng bành trướng và ước muốn chiếm đoạt tài nguyên thiên nhiên bằng mọi giá, Trung Quốc đang tìm cách phá vỡ sự gắn bó này trước sự dừng dung của Liên Hiệp Quốc và thế giới.

Nguyễn Văn Huy

COPENHAGEN 2009

Tương lai nào cho những quốc gia chậm tiến ?

Nguyễn Minh

Cứu nguy trái đất

Một thực tại mà cả thế giới cùng nhìn nhận là trái đất đang lâm nguy. Từ vài chục năm trở lại đây, hiện tượng thay đổi khí hậu đã làm biến thể thiên nhiên và đe dọa đời sống con người, buộc những người có trách nhiệm phải suy nghĩ về tương lai của hành tinh nơi mình đang sống. Tác dụng xấu của những biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của mọi người và mọi quốc gia trên trái đất, nhưng chịu nhiều thiệt thòi nhất vẫn là những quốc gia kém phát triển và nghèo khó.

Hình ảnh những đồng ruộng nứt nẻ vì hạn hán tại châu Phi (Kenya) và Nam Á (Ấn Độ), biển Aral tại Trung Á bị khô cạn, 80% băng tuyết vĩnh cửu trên các đỉnh Kilimanjaro (5.900 m) tại Tanzania và Himalaya (8.000 m) bị tan chảy, những tảng băng hai vùng Bắc



Cực và Nam Cực sụt lở ngay giữa mùa đông, tốc độ ngập lụt sau mỗi cơn bão gây thiệt hại vô nhân mạng, tài sản và mùa màng ngày càng gia tăng, mực nước biển dâng khiến ruộng đồng nhiễm mặn gây đói khát tại các quốc gia Nam Á, dịch bệnh và di dân... xuất hiện dồn dập trên các màn ảnh báo chí không cho phép những quốc gia công nghiệp phát triển tiếp tục thờ ơ. Phải cứu nguy trái đất !

Nguyên do của những tai họa vừa kể trên, một phần do khí thải carbon dioxyd (CO₂) thoát ra từ thiên nhiên (núi lửa), nhưng phần lớn do con người gây ra : những lò nhiệt điện, nhà máy lọc dầu, hóa chất, phân hóa học, khói xe, nạn cháy rừng... Chúng có tác dụng gây hiệu ứng nhà kính hun nóng trái đất và làm tan những tảng băng tại hai cực khiến mực nước biển tăng lên. Nếu không ai làm một cố gắng nào để hạn chế, khí hậu của trái đất sẽ tăng từ 1,5 đến 6°C vào năm 2100, nhiều vùng rừng núi sẽ trở thành ô trọc vì thiếu nước, nhiều cánh đồng dọc vùng duyên hải sẽ bị nước biển tràn ngập gây ra nạn đói và loạn lạc trên toàn cầu. Trách nhiệm này thuộc về loài người.

Từ hơn 50 năm qua, những nhà thám hiểm và nghiên cứu môi trường đã không ngừng lên tiếng cảnh giác dư luận các quốc gia phát triển về nguy cơ hủy hoại trái đất từ những chất thải do con người gây ra. Sách báo, phim ảnh và phóng sự về sự hủy hoại môi trường xuất hiện khắp nơi, nhưng đó chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc vì giới chính trị chưa quan tâm tới. Chỉ gần đây, từ đầu thập niên 1980 đến nay, những đảng phái bảo vệ môi trường mới ra đời và đưa ra những chương trình bảo vệ môi sinh, nhưng sinh hoạt các đảng phái này phần lớn là để chỉ trích các chính quyền cánh hữu và chống xây dựng những lò phát điện nguyên tử hơn là bảo vệ môi sinh. Bên cạnh đó là những hiệp hội nông dân, nhưng những tổ chức này cũng chỉ tranh đấu cho những quyền lợi riêng tư chứ không để bảo vệ môi sinh, như chống toàn cầu hóa, chống tự do lưu thông hàng hóa, chống canh tác thực vật OGM... Những hội đoàn khác, như Greenpeace, đã làm mọi cách gây tiếng vang cho mình nhiều hơn là để bảo vệ môi sinh và môi trường, mặc dù những hành động của họ là đúng.

Nhưng trái đất đang lâm nguy, nếu không có một cố gắng qui mô nào sự sống trên hành tinh sẽ bị biến mất. Ý thức được sự cấp bách trên, từ 1992, Liên Hiệp Quốc đã tổ chức một hội nghị qui tụ 166 quốc gia, tổ chức tại Rio de Janeiro (Brazil) để ký một Công ước khung về biến đổi khí hậu nhằm tìm những biện pháp cứu chữa. Năm 1997, một hội nghị thương định khác được tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản), qui tụ 173 quốc gia, cho ra đời một nghị định thư, gọi là *Kyoto Protocol*, yêu cầu 38 quốc gia phát triển nhất phải cắt giảm khí thải CO₂, ít nhất 20% vào năm 2012. Năm nay, một hội nghị thương định toàn cầu về

khí hậu được tổ chức tại Copenhagen (Đan Mạch), qui tụ 193 quốc gia, sẽ đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính và kêu gọi những quốc gia phát triển giúp các nước nghèo chống biến đổi khí hậu. Đặc biệt lần này ba quốc gia thải nhiều carbon dioxyd nhất là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ấn Độ đều đến tham dự, tất cả đều hứa sẽ giảm lượng CO₂ rất đáng kể trong những năm tới.

Trong bài diễn văn đọc trước hội nghị về khí hậu, ngày 7-12-2009, bà Connie Hedegaard, bộ trưởng môi trường Đan Mạch và là chủ tịch hội nghị khí hậu, nói "nếu các chính phủ không thể ký kết một thỏa thuận về cắt giảm khí thải tại Copenhagen, thế giới sẽ chẳng bao giờ có cơ hội tốt hơn để chống biến đổi khí hậu".

Loài người đang đứng trước một hiểm họa nguy khốn, nếu không đoàn kết để có một hành động quả quyết, biến đổi khí hậu sẽ hủy hoại trái đất. Nhiều con số đã được đưa ra : nếu không cắt giảm khí thải CO₂, mỗi năm không những hàng trăm ngàn người bị chết vì lũ lụt, hàng trăm triệu người khác phải di dời nơi cư trú, mà còn ảnh hưởng trầm trọng đến mùa màng và an ninh gây ra bởi nạn di dân.

Ý thức được những hiểm họa trên, hội nghị thượng đỉnh về khí hậu lần này kéo dài trong hai tuần, từ ngày 7 đến 18-12-2009, để những nhân vật có trách nhiệm của 193 quốc gia bàn thảo rốt ráo mọi chi tiết nhằm đạt tới một thỏa thuận chung về cắt giảm khí thải và phương cách giúp đỡ các quốc gia nghèo khó sử dụng công nghệ sạch. Trước sự quan trọng này, hơn 34.000 người, gồm đại diện và chuyên viên, đăng ký tham gia các cuộc đàm phán và khoảng 3.500 ký giả tới đây để tường thuật về diễn tiến của hội nghị.

Theo dự trù, bốn đợt tài trợ sẽ lần lượt được đề cập tới những cuộc đàm phán là tương lai nào cho Nghị định thư Kyoto 1997 (hết hạn vào năm 2012), tỷ lệ giảm chất thải CO₂ của mỗi quốc gia, giúp đỡ những quốc gia nạn nhân như thế nào và làm sao hạn chế nạn cháy rừng.

Trong thực tế, những cuộc đàm phán trong hội nghị này tập trung nhiều vào những vấn đề kinh tế hơn là môi trường : cắt giảm khí thải ảnh hưởng như thế nào trên sản xuất công nghiệp, dựa trên tỷ lệ nào để qui định số tiền chi ra để cắt giảm khí thải, dựa trên tiêu chuẩn nào và đóng góp bao nhiêu để giúp các quốc gia nghèo chống biến đổi khí hậu, trật tự kinh tế thế giới mới sẽ như thế nào sau khi thỏa thuận về chống biến đổi khí hậu sẽ được ban hành, v.v.

Những ẩn ý của hội nghị thượng đỉnh Copenhagen

Trong số 193 quốc gia tham dự hội nghị, hơn 4/5 đến Copenhagen để đòi được giúp đỡ. Những quốc gia này có lý do chính đáng để xin được giúp đỡ bì họ là nạn nhân trực tiếp của hiệu ứng nhà kính hun nóng trái đất. Theo báo cáo thường niên của Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) năm 2008, các quốc gia công nghiệp hóa là tác nhân của 80% lượng khí thải CO₂ nhưng chỉ gánh chịu tối đa 20% hậu quả của tình trạng hun nóng trái đất, trong khi những quốc gia kém phát triển chỉ là tác nhân của 2% lượng khí thải CO₂ nhưng phải gánh chịu đến 80% hậu quả, đời sống của hàng trăm triệu người trên trái đất đang bị đe dọa. Bất công này phải được gán gốm.

Rất đúng, nhưng hàn gắn như thế nào ? Đó là một câu hỏi rất khó trả lời. Trong suốt năm 2009, nhiều hội nghị chuyên ngành về tài chính và môi trường đã được tổ chức tại nơi trên khắp nơi trên thế giới để bàn thảo về những thỏa thuận khung sẽ được ký kết bởi các cấp lãnh đạo quốc gia trong hội nghị thương định này.

Theo dõi kỹ, người ta sẽ rất kinh ngạc trước những đòi hỏi đòi hỏi rất quá đáng của những quốc gia đang phát triển. Số tiền được nhiều người nhắc tới là 100 tỷ USD, tương đương với 0,01% thuế lợi tức thu vào hàng năm, mà các quốc gia kém phát triển yêu cầu các quốc gia

phát triển giao cho Quỹ khí hậu thế giới của Liên Hiệp Quốc để tài trợ cho quốc gia kém phát triển. Thực tế đã không giản dị như vậy.

Theo Nghị định thư Kyoto 1997, 38 quốc gia giàu có cam kết chi ra hơn 18 tỷ USD để tài trợ những quốc gia kém phát triển khắc phục những hậu quả do biến đổi khí hậu gây ra. Hơn 10 năm đã trôi qua, những nước nghèo đã nhận được chưa đến 10% nguồn tiền đã hứa. Vấn đề là ai chi tiền và chi theo tỷ lệ nào. Từ trước đến nay, phần lớn số tiền dành cho chiến dịch phòng chống biến đổi khí hậu tại các quốc gia nghèo khó được trích từ nguồn viện trợ dành cho phát triển, gọi là ODA (Official Development Assistance), tự nó đã không nhiều. Thật ra đây chỉ là sự chuyển giao từ quỹ này sang quỹ khác.Thêm vào đó, quốc gia nhận viện trợ không thể muốn làm gì thì làm vì số tiền này được qui ra thành sản phẩm mà quốc gia cấp viện trợ muốn đem tới, bất chấp có thích hợp với nhu cầu của quốc gia nhận viện trợ hay không. Đây cũng là một hình thức giải quyết nạn tị kinh tại những quốc gia phát triển.

Trong thực tế, khả năng đóng góp của các quốc gia giàu có vào chương trình chống biến đổi khí hậu là bao nhiêu ? Đa số các quốc gia giàu có sẽ đưa ra những con số rất cao, hàng chục tỷ, có khi đến hàng trăm tỷ USD, những lời hứa thường rất khác xa sự thật. Theo các chuyên gia, con số này ở vào khoảng từ 100 đến 150 triệu USD là tối đa, đây là một số tiền rất lớn. Vấn đề là đào đâu ra số tiền này, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế và tài chính toàn cầu hiện nay. Quốc gia phát triển nào cũng nợ ngập đầu, tổng số nợ quốc gia đôi khi gần bằng mức GDP. Hơn nữa dân chúng tại các quốc gia giàu có cũng không muốn chính phủ của họ lấy tiền thuế của họ nuôi những nhà độc tài, vì đa số dân chúng các quốc gia nghèo khó, nạn nhân của hiệu ứng nhà kính, sống dưới những chế độ độc tài.

Một câu hỏi khác là tại sao những quốc gia giàu có lại muốn giúp đỡ những quốc gia nghèo khó hàn gắn những tổn thất do biến đổi khí hậu gây ra ? Từ trước đến nay, có quốc gia giàu có nào quan tâm đến những thiệt hại về nhân mạng, tài nguyên và môi trường tại những quốc gia thuộc thế giới thứ ba đâu. Lần này thì khác, dư luận tại những quốc gia phát triển ý thức rằng nếu không bảo vệ trái đất, tương lai của họ cũng bị lâm nguy chứ không riêng gì tương lai của những quốc gia nghèo khó. Tại những quốc gia phát triển, những khu rừng già nguyên thủy không còn, nếu không ngăn chặn nạn phá rừng tại những quốc gia đang phát triển thì buồng phổi của trái đất và cũng là của chính họ sẽ bị tiêu tan. Nếu không giúp đỡ các quốc gia nghèo khó tự túc về lương thực, nghĩa là phải giúp họ bảo vệ đất đai trồng trọt, hình ảnh những người thiểu số sẽ không làm vui bữa cơm gia đình. Lý do của sự giúp đỡ là ở chỗ đó.

Một lý do rất quan trọng mà ít ai nghĩ tới, Hội nghị thượng đỉnh Copenhagen lần này đánh dấu sự ra đời của cuộc cách mạng khoa học thứ tư, đó là cuộc cách mạng môi trường. Sự phát minh ra máy hơi nước trong thế kỷ 19 là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đầu tiên đã làm thay đổi hẳn qui trình sản xuất và tạo ra phồn vinh. Đầu thế kỷ 20, một cuộc cách mạng khoa học thứ hai ra đời, đó là sự phát minh ra máy điện thay máy hơi nước và chế biến dầu thô thành nhiên liệu phục vụ công nghiệp như sản xuất xe hơi, xe lửa, máy bay và tàu thuyền. Trong thập niên 1970, cuộc cách mạng khoa học thứ ba là sự phát minh máy vi tính đã thay đổi hẳn lối sống và cách suy nghĩ của con người. Giờ đây, vào đầu thiên niên kỷ thứ ba, cách mạng môi trường làm thay đổi hẳn mọi quan hệ giữa con người với thiên nhiên, sử dụng nguồn năng lượng sạch có sẵn trong thiên nhiên và có thể tái tạo lại dễ dàng (mặt trời và gió) để tồn tại với thời gian.

Cũng nên biết, tất cả những cuộc cách mạng này đều xuất phát từ những quốc gia phát triển giàu có. Với những phát minh mới, những quốc gia phát triển và giàu có tiếp tục lãnh đạo thế giới theo ý họ muốn. Để thanh toán những kỹ thuật lỗi thời, các quốc gia phát triển đã làm vừa lòng mọi người bằng một công hai việc : chuyển giao tất cả công nghiệp và

kỹ thuật gây ô nhiễm cho các quốc gia đang phát triển và nhận lại những thành phẩm tiêu dùng giá rẻ.

Từ hơn 20 năm qua, các quốc gia phát triển đã chuyển giao kỹ thuật cao cấp sang những quốc gia đang phát triển như công nghệ sản xuất xe hơi, đóng tàu thuyền, luyện kim, hóa học, dụng cụ điện tử thế hệ mới, tức những cơ phận cơ bản, kể cả những loại vũ khí chính qui như xe tăng, tàu chiến cỡ nhỏ, máy bay chiến đấu... Bù lại, họ tập trung nghiên cứu và sản xuất "những sản phẩm sạch" như rô bô, hàng hóa điều khiển bởi vệ tinh, xe chạy bằng điện, gaz, năng lượng mặt trời hay nhiên liệu thực vật, thức ăn không hóa chất, những phương tiện vận chuyển và di chuyển sạch và tiết kiệm nhiên liệu và những loại vũ khí chính xác. Cuộc cách mạng môi trường là ở chỗ đó.

Nạn nhân của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật thứ tư

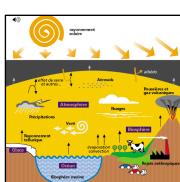
Nhờ tiếp thu những kỹ thuật sản xuất của cuộc cách mạng thứ hai và thứ ba, Trung Quốc đã là xưởng sản xuất hàng hóa rẻ tiền cho cả thế giới và trở thành một cường quốc kinh tế và quân sự mới. Chỉ trong 20 năm, từ một quốc gia nghèo và kém phát triển, Trung Quốc đã ngang nhiên bước lên hàng những quốc gia giàu có. Nhưng cái giá phải trả cho hủy hoại môi trường quá cao. Hàng năm, Trung Quốc đã phải chi ra 4% GDP để bù đắp hay sửa chữa những thiệt hại dân sản xuất gây ra cho môi trường. Các cấp lãnh đạo Trung Quốc biết rõ những tai hại này nhưng không thể làm gì khác hơn. Hiện nay cách giải quyết vấn đề của họ rập khuôn phương Tây, nghĩa là đưa khai khai thác và chế biến đầy ô nhiễm sang các quốc gia kém phát triển khác tại châu Phi hay châu Á, như khai thác quặng mỏ dùng nhiều hóa chất độc (đồng, bauxite, mercure...), sau đó chuyển thành phẩm về Trung Quốc để chế biến lại và xuất khẩu sang những quốc gia đó.

Ấn Độ cũng thế, đón nhận những vật liệu phế thải từ các quốc gia phát triển vào lãnh thổ của mình để khai thác kim loại, những trung tâm cắt tàu lấy sắt dọc các vùng bờ biển, gây ô nhiễm môi trường và bệnh tật. Vụ nổ nhà máy hóa học tại Bhopal năm 1984 là một ví dụ khác. Cách chống ô nhiễm của Ấn Độ giống như Trung Quốc, đưa khai khai thác độc hại sang những quốc gia nghèo kém hơn rồi nhập về thành phẩm để chế biến lại và tái xuất khẩu.

Những nạn nhân chịu thiệt thòi nhất trong cuộc cách mạng thứ tư này là những quốc gia nghèo khó tại châu Phi và Nam Á. Vì không thể sinh sống hòa bình với nhau, những bộ tộc kinh chống lẫn nhau để giành quyền lãnh đạo, để mặc cho nước ngoài khai thác tài nguyên thiên nhiên. Hiện nay, do cần tiền để mua vũ khí và phát triển hạ tầng cơ sở, nhiều quốc gia châu Phi giao cho Trung Quốc trực tiếp khai thác tài nguyên khoáng sản của mình để được giúp đỡ tài chính giữ vững ngôi vị lãnh đạo. Nhờ những giúp đỡ này, quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia châu Phi da đen rất là thắm thiết. Những cuộc khuấy động tại hội nghị thượng đỉnh Copenhagen của những nhóm châu Phi da đen có sự giật dây của Trung Quốc. Điều làm nhiều người ngạc nhiên là một mặt Trung Quốc muốn được nhìn nhận là một cường quốc kinh tế và quân sự có khả năng lãnh đạo thế giới thứ ba, mặt khác lại muốn được nhìn nhận như một quốc gia nghèo khó đang phát triển để nhận viện trợ và được giúp đỡ kỹ thuật miễn phí chống biến đổi khí hậu, ô nhiễm không khí và khí thải do chính mình gây ra.

Còn Việt Nam thì sao ? Theo ước tính của Chương trình phát triển (UNDP) của Liên Hiệp Quốc, Việt Nam là một trong 5 nước đứng đầu thế giới dễ bị tác hại bởi biến đổi khí hậu. Nếu mực nước biển tăng lên một mét, Việt Nam sẽ mất 5% diện tích đất đai 11% người mất nhà cửa, 7% sản lượng nông nghiệp và 10 % GDP. Nếu nước biển dâng lên từ 3 đến 5 mét, một nửa đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long sẽ bị biến mất. Chính vì thế các cấp lãnh đạo Việt Nam nên lợi dụng diễn tiến của cuộc cách mạng mới này để yêu cầu những quốc gia phát triển giàu có giúp phát triển công nghiệp sạch, tôn trọng môi trường. Đừng nén quá trông chờ vào những số tiền viện trợ chống biến đổi khí hậu, vì không có.

Nguyễn Minh (Tokyo)



Afghanistan và Việt Nam

Thấy khác mà giống !

Lữ Giang

Nước Mỹ và thế giới đang bàn đến Afghanistan, một đất nước đã chịu nhiều biến động đau thương trong lịch sử cũng như trong hiện tại, nhưng lại là một đất nước mà nơi đây đã có nhiều đoàn quân ngoại quốc bị chôn vùi.

Nhiều câu hỏi được đặt ra : Cuộc chiến hiện nay có giống cuộc chiến Việt Nam không ? Sau Anh và Nga, liệu rồi Hoa Kỳ có tháo chạy không ? Muốn trả lời, chúng ta phải nhìn qua những gì đang diễn ra trên đất nước Afghanistan.

ĐỊA THẾ HIỂM TRỞ

Afghanistan có diện tích 647.500 cây số vuông, gần bằng tiểu bang Texas (678.054 cây số vuông) của Hoa Kỳ, và lớn gần gấp đôi toàn nước Việt Nam (329.560 cây số vuông).

Địa thế của Afghanistan lại phức tạp và hiểm trở hơn Việt Nam nhiều : Đa số là đồi núi, hang động với 3/4 bề mặt là các cao nguyên. Độ cao trung bình của các đỉnh núi là 4.270 m trong đó có những đỉnh núi cao tới 7.620 m. Những vùng đất thấp là thung lũng của các con sông hay các vùng sa mạc.

Khí hậu Afghanistan cũng rất khắc nghiệt vì độ cao khác nhau của vùng đất này. Ban đêm nhiệt độ hạ xuống ở mức rất thấp nhưng giữa trưa nhiệt độ có thể lên đến 38 độ C. Vào mùa hè nhiệt độ thường là 49 độ C những giữa mùa đông lại hạ xuống đến -9,4 độ C.

CUỘC SỐNG CƠ CỤC

Tờ *The Independent* của Anh trong số ra ngày 25.2.2008 đã đăng một bài dưới đầu đề "Women's lives worse than ever" của Terri Judd nói về tình trạng chiến tranh liên miên và cuộc sống cung cực đã khiến phụ nữ Afghanistan lâm vào tình cảnh rất bi đát.

Hơn một triệu người đã trở thành góa phụ, nhiều gia đình đã phải bán con gái để làm vợ người khác trước khi tới tuổi dậy thì. Chuyện các cô bé mới 6 tuổi đã phải làm vợ không phải là chuyện hiếm thấy.



Giá mỗi cô dâu trẻ con chỉ từ 800 đến 2.000 bảng. Những cô bé bắt hạnh này đã phải sống một cuộc sống rất bi thảm. Người mua cấm các em tiếp xúc với cha mẹ và người thân, không cho các em được đến trường. Các em còn thường xuyên bị thân nhân của kẻ mua cưỡng hiếp, thậm chí còn có nguy cơ trở thành "món đồ chơi tập thể". Vì không được bảo vệ, nhiều em đã chọn lối thoát tự sát. Thậm chí có người còn mang chị hoặc em gái để hoán đổi.

Hassami, một phụ nữ hoạt động bảo vệ nữ quyền ở Afghanistan nói : "Thật đau lòng ! Vì nghèo khổ mà những bé gái bị mang ra mua bán, có những em mới 8 tuổi. Sau khi về nhà chủ, các em ra khỏi cửa còn bị cấm, chứ đừng nói gì đến chuyện được đến lớp. Kẻ mua tuyên bố họ mất tiền mua nê các em phải làm việc cho họ".

Một bản báo cáo của tổ chức bảo vệ nữ quyền ở Afghanistan nói : "Thật đau lòng ! Vì nghèo khổ mà những bé gái bị mang ra mua bán, có những em mới 8 tuổi. Sau khi về nhà chủ, các em ra khỏi cửa còn bị cấm, chứ đừng nói gì đến chuyện được đến lớp. Kẻ mua tuyên bố họ mất tiền mua nê các em phải làm việc cho họ".

Ở Afghanistan, 88% phụ nữ bị mù chữ, chỉ có 5% học qua trung học. Do không có điều kiện điều trị y tế nên tỷ lệ phụ nữ bị chết khi sinh đẻ lên tới 1/9, tỷ lệ này là cao nhất toàn cầu, tương đương với Sierra Leon.

Cuộc chiến tàn khốc đã khiến hơn một triệu phụ nữ trở thành góa phụ. Những góa phụ này không được hưởng bất cứ quyền lợi nào trong cuộc sống. Điều này cũng khiến cho số trẻ em ăn xin trên đường phố ngày một gia tăng. Tình trạng này đã biến Afghanistan trở thành quốc gia duy nhất trên thế giới có tỷ lệ phụ nữ tự sát cao hơn nam giới.

Để giúp những người phụ nữ bất hạnh nói trên, từ đầu năm 2007, Tổ Chức Viện Trợ Quốc Tế đã quyết định mỗi tháng cung cấp lương thực, dầu ăn và muối cho 9.000 góa phụ. Nhưng với mức viện trợ này, còn lâu những phụ nữ khổn khổ ở Afghanistan mới thoát được cuộc sống cơ cực.

Kể từ khi Mỹ và các nước đồng minh phát động chiến tranh tại đây, tình cảnh của phụ nữ Afghanistan không những không khá hơn mà càng ngày càng tồi tệ thêm. Vào năm 2002, khi mà tình hình lạc quan nhất ở đây, quân Mỹ, Anh và các nước NATO cũng không dám ưu tiên đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ Afghanistan.



Dân số hiện nay của Afghanistan khoảng 29.928.000 người. Về sắc tộc, Pashtun chiếm đến 42%, Tajik 27%, Hazara 9%, Usbek 9%, v.v. Về tôn giáo, hầu hết theo Hồi Giáo : 80% theo giáo phái Sunni, 19% theo giáo phái Shiite, và 1% các tôn giáo khác. Có đến 80% dân chúng làm nghề nông, nhưng đất đai khai thác chỉ mới 13%.

Theo một bản báo cáo gần đây của UNICEF, khoảng 22 triệu người Afghanistan, chiếm 70% dân số, đang sống trong nghèo khổ và dưới tiêu chuẩn thông thường. 40% trẻ em dưới 3 tuổi bị nhẹ cân và 54% trẻ em dưới 5 tuổi rơi vào tình trạng còi cọc. Hơn 100.000 người, phần lớn phụ nữ và trẻ em, buộc phải di dời chỗ ở vì xung đột và hạn hán.

THAM NHỮNG NHẤT THẾ GIỚI

Bản công bố hôm 17-11-2009 của tổ chức Minh Bạch Quốc Tế (Transparency International) có trụ sở ở Berlin, Đức, cho biết trong tổng số 180 nước được điều tra, có 129 nước đạt dưới 5 trong thang điểm từ 0 đến 10. New Zealand là quốc gia trong sạch nhất, đứng trên Đan Mạch và Singapore. Còn đứng cuối bảng là Miến Điện, Afghanistan và Somalia.

Afghanistan bị đánh giá nạn tham nhũng "có mặt khắp nơi", và một phần là vì buôn bán nha phiến. Ngày 24-11-2009 vừa qua, ông Fazel Ahmad Faqiryar, phó tổng chưởng lý Afghanistan cho biết nước này đang tiến hành điều tra cáo buộc tham nhũng liên quan tới 3 bộ trưởng đương tại chức và 12 cựu bộ trưởng. Một tòa án đặc biệt sẽ sớm được thành lập để xét xử các bộ trưởng đương nhiệm vi theo Hiến pháp Afghanistan, tòa án thông thường không được xét xử các bộ trưởng. Trong số 12 cựu bộ trưởng bị truy tố, có một số hiện đang sống lưu vong ở ngoại quốc. Phó tổng chưởng lý Phakiria đã yêu cầu Bộ Ngoại giao Afghanistan và cảnh sát quốc tế phối hợp bắt giữ và dẫn độ những người này về nước.

Đây là quyết định mới nhất của Kabul kể từ khi tổng thống Karzai tuyên thệ nhậm chức tổng thống Afghanistan nhiệm kỳ hai với cam kết nỗ lực chống tham nhũng. Các quốc gia phương Tây đã dọa sẽ rút hết quân lính khỏi Afghanistan và ngừng viện trợ phát triển nếu chính phủ mới của ông Karzai không kiên quyết bài trừ nạn tham nhũng đang tràn lan tại nước này.

Một cuộc thăm dò cho thấy đại đa số người dân Afghanistan tin rằng tình hình tham nhũng tại nước này hiện nay là tồi tệ nhất trong

vòng hơn 20 năm qua. Khoảng 60% số người được hỏi nói rằng chính quyền của tổng thống Hamid Karzai tham nhũng hơn bất cứ chính quyền nào khác kể từ thập niên 1980, kể cả chính phủ Taliban và chính phủ cộng sản do Nga hậu thuẫn.

Có đến 93% những người tham gia cuộc thăm dò nói họ tin rằng để có được các dịch vụ công cộng thì cần phải trả tiền hối lộ. Khoảng một nửa số người tham gia cuộc thăm dò nói rằng chính họ cũng đã phải trả tiền hối lộ.

Tổ chức Integrity Watch Afghanistan nhận định rằng tham nhũng đã tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia và tình hình bất ổn ngày càng gia tăng ở miền nam Afghanistan có phần liên quan đến khả năng giải quyết tham nhũng và sự yếu kém của chính phủ.

KHÁNG CHIẾN NHỜ THUỐC PHIỆN

Theo Cơ Quan Chống Tội Ác và Ma Túy thuộc Liên Hiệp Quốc (UNODC), các miền quê Afghanistan hiện trồng cây thầu dầu sản xuất hằng năm 7.700 tấn thuốc phiện, mỗi tấn thu lợi 88.000 đôla.

Nông dân Afghanistan hưởng ứng mạnh mẽ sự khuyến khích trồng nha phiến của Taliban vì đây gần như là cách duy nhất để giải quyết cuộc sống của họ và gia đình họ, trong khi đó Taliban có đủ nguồn lợi để duy trì cuộc kháng chiến.

Taliban thu 60% số lợi tức này từ nông dân để bảo vệ nông dân yên ổn làm ăn, tức trồng cây thuốc phiện. Tính trung bình, Taliban thu lợi khoảng 405 triệu đôla mỗi năm. Họ dùng số tiền bán thuốc phiện và ma túy để tuyển mộ được mỗi năm hơn 10.000 tân binh, trang bị súng trường AK47 và súng phóng lựu RPG-7 rất nguy hiểm... UNODC ước tính giá mua mỗi khẩu AK47 chỉ có 450 đôla và mỗi khẩu súng phóng lựu 600 đôla. Tiền tuyển mộ một lính mới tốn chỉ vào khoảng 200 đôla !

Một bảng đánh giá lực lượng Taliban của tinh báo Mỹ tiết lộ hôm 15.10.2009 cho thấy con số chiến binh của nhóm này đã lên tới ít nhất 25.000 người. Viên chức tình báo cho biết lực lượng Taliban đã gia tăng thêm 5.000 quân, hay 25%, trong năm ngoái, nên cuộc chiến chống lại Taliban sẽ trở nên khó khăn hơn.

Trong số 25.000 chiến binh, giới tình báo Mỹ chưa tính số phiến quân "bán thời gian", tức những người Afghanistan đã đi chôn hay cài bom bên đường và tiếp tế các thứ cho Taliban để lấy tiền. Ngoài ra

còn phải tính tới các nhóm thổ phỉ thỉnh thoảng lại gia nhập với Taliban hay các nhóm cực đoan khác đóng ở bên phần đất Pakistan tràn qua.

Nhờ số lính tuyển mộ đông đúc này, Taliban đã thực hiện các chiến thuật giống như ở Iraq: bắt cóc bất cứ người phương Tây nào

để đòi tiền chuộc, đánh bom tự chế (IED) vè đường nơi các lực lượng chính phủ và ngoại quốc thường đi qua, đánh bom tự sát vào các cơ sở chính phủ và quân đồng minh, nhất là đánh bom khủng bố bất cứ cơ sở dân sự hay quân sự nào của chính phủ canh giữ lơ là. Taliban còn ủng hộ các tù trưởng đứng lên giành lại các vùng đất mà quân chính phủ có lực lượng mỏng, không giữ nổi, v.v. Bằng chiến thuật này Taliban đã buộc được quân chính phủ và đồng minh phải co cụm lại để giữ vững vị trí, không dám bung mỏng ra các vùng quê.

Tình hình này dễ dàng tạo cho người dân Afghanistan có cảm tưởng là lực lượng Taliban đang ngày càng lấn luốt, kể cả các vùng đang bị lực lượng Hoa Kỳ và NATO chiếm đóng. Ông Michael O'Hanlon, một chuyên gia quân sự thuộc Viện Brookings Institution ở Washington, nhận xét : "Taliban đang dựng ra bức màn tâm lý rắc rối khá tốt, trước tiên là làm dân chúng có ác cảm với chính phủ Afghanistan, thứ nhì là chinh phục cảm tình trước đây đã bị sút mẻ của dân chúng dành cho họ".

ĐỐI PHÓ VỚI TÌNH HÌNH

Trong báo cáo khẩn gửi Ngũ Giác Đài cuối tháng 8, tướng McChrystal, Tư lệnh lực lượng Mỹ và Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) tại Afghanistan, nhận định rằng Mỹ có thể thua tại chiến trường Afghanistan nếu không thay đổi chiến lược và không có thêm hỗ trợ mạnh mẽ trong vòng 12 tháng tới. Tình hình an ninh ở Afghanistan rất đáng lo ngại. Taliban liên tục tăng cường các cuộc tiến công vào lực lượng NATO cũng như quân đội và lực lượng an ninh của Afghanistan. Tháng 8 vừa qua trở thành tháng đẫm máu nhất, lực lượng NATO có 74 binh sĩ chết, còn lực lượng an ninh Afghanistan trung bình có 4 đến 5 cảnh sát chết mỗi ngày. Tướng Chrystal đề nghị tiếp tục bổ sung từ 10.000 đến 45.000 binh sĩ cho chiến trường này.

Hôm 2-12-2009, tổng thống Obama đã đưa ra sách lược mới về Afghanistan, với những điểm chính như sau :

(1) Gởi thêm đến Afghanistan 30.000 quân chiến đấu trong năm 2010, với một tiến độ nhanh nhất để có thể bảo đảm an ninh cho các trung tâm dân cư chính yếu, làm cho Taliban không còn năng lực lật đổ chính phủ, đồng thời cũng cố khả năng của các lực lượng an ninh và chính phủ Afghanistan, để họ có thể lãnh trách nhiệm cho tương lai của Afghanistan.

(2) Kêu gọi các đồng minh của Mỹ đóng góp thêm quân cho cuộc chiến Afghanistan và tin tưởng là các đồng minh này sẽ sẵn sàng.

(3) Rút quân trong vòng 18 tháng : Xúc tiến bàn giao trách nhiệm cho các lực lượng Afghanistan, và rút ra khỏi Afghanistan vào tháng 7 năm 2011.

(4) Xác quyết chiến tranh Afghanistan khác với chiến tranh Việt Nam để dân chúng Mỹ yên tâm rằng Mỹ không thể thua ở Afghanistan. Tổng thống nói : "Khác với Việt Nam, chúng ta có liên quân rộng lớn của 43 quốc gia, cùng công nhận tính chính danh của chiến dịch". "Khác với Việt Nam, chúng ta không phải chống lại một cuộc nổi dậy được dân chúng ủng hộ rộng khắp, và quan trọng hơn cả, khác với Việt Nam, người dân Hoa Kỳ đã bị tấn công một cách tàn độc từ bên ngoài, và vẫn là mục tiêu của những kẻ cực đoan đó..." .

KHÁC MÀ GIỐNG

Tuy tổng thống Obama nói như vậy, nhưng các nhà báo phương Tây vẫn cho rằng giữa cuộc chiến tranh Việt Nam và Afghanistan có những điểm giống nhau như sau :

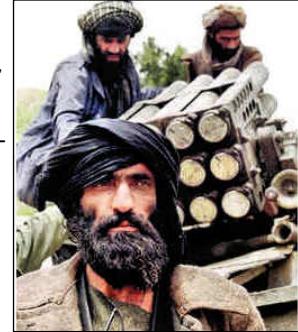
- Sự tụt giảm, thậm chí thiếu vắng ủng hộ của dư luận đối với cuộc chiến hiện nay, nó không khác gì phong trào phản chiến ở phương Tây đối với chiến tranh Việt Nam hồi thập niên 1960.

- Uy tín giảm sút của chính quyền Karzai đối với dân chúng của họ cũng như dư luận quốc tế được so với chính quyền của các ông Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ tại Nam Việt Nam, mặc dù đã có cuộc đầu phiếu.

- Sự thiếu vắng, ít ra là theo các nhà chỉ trích, một chiến lược rõ rệt để quân đội chính quy, hiện đại của Hoa Kỳ có thể thắng trong một cuộc chiến kiểu du kích, ở một địa hình phức tạp, trong một xứ sở có nền văn hóa khác lạ.

Ngoài các điểm giống nói trên, còn có ba điểm giống quan trọng khác giữa hai cuộc chiến mà các ký giả phương Tây không nói đến, đó là :

Điểm thứ nhất : Hoa Kỳ chỉ muốn sử dụng các thành phần bản địa thiểu số có năng lực luôn sẵn sàng tuân hành mệnh lệnh của họ, để họ có thể tự ý điều khiển cuộc chiến mà không bị trở ngại nào, họ đưa quân vào và rút quân ra lúc nào cũng được.



Điểm thứ hai : Hoa Kỳ chỉ huấn luyện và trang bị cho các lực lượng bản địa vừa đủ để tự vệ, thường là yếu kém hơn đối phương, một phần vì sợ các lực lượng này không đủ khả năng chiến đấu, sẽ để các trang bị của họ lọt vào tay địch; phần khác vì sợ các lực lượng này khi mạnh lên sẽ biến thành một chính quyền có khả năng tự chủ, không còn lúc nào cũng phải thi hành mệnh lệnh của Mỹ nữa. Đây là một lý do chính khiến Mỹ thất bại trong chiến tranh Việt Nam.

Hoa Kỳ chỉ huấn luyện và trang bị cho các lực lượng bản địa mạnh khi Hoa Kỳ quyết định "rút lui trong danh dự", để các lực lượng này có thể đứng vững trong một thời gian vừa phải (decent interval) mới sụp đổ. Hoa Kỳ sẽ đổ lỗi cho họ yếu kém chứ không phải do Hoa Kỳ thiếu trách nhiệm.

Điểm thứ ba : Hoa Kỳ mở cuộc chiến hay ngưng cuộc chiến là do quyền lợi của Hoa Kỳ chứ không phải do quyền lợi của nước bản địa. Nước này đã bị sử dụng như một con bài giai đoạn.

RỒI SẼ ĐI VỀ ĐÂU ?

Tổng thống Obama nói : "Chúng ta không để cho al-Qaida có chỗ trú ẩn an toàn. Chúng ta phải đảo ngược sức mạnh của Taliban để chúng không còn năng lực lật đổ chính phủ. Và chúng ta phải củng cố khả năng của các lực lượng an ninh và chính phủ Afghanistan, để họ có thể lãnh trách nhiệm cho tương lai của Afghanistan".

Với lời tuyên bố này, chúng ta thấy trong giai đoạn sắp tới, quân đội Mỹ và khối NATO dự tính thực hiện ba nỗ lực chính sau đây :

1. Phá khu an toàn của quân nổi dậy

Trong suốt thời kỳ dài của cuộc chiến Afghanistan và Iraq, lực lượng Taliban đã dùng vùng đồi núi giáp ranh giữa Afghanistan và Pakistan làm "khu an toàn" của họ và từ đó mở các cuộc tấn công. Bảy khu bộ tộc tự trị dọc biên giới Tây Bắc của Pakistan được coi là "thiên đường" cho al-Qaeda kể từ sau khi Taliban bị thất bại ở Afghanistan năm 2001. Đến năm 2009, lực lượng Taliban dần dần nắm quyền kiểm soát cả vùng thung lũng Swat của Pakistan sát biên giới, chỉ cách thủ đô Islamabad của Pakistan vài giờ xe. Chính phủ Pakistan đã ký một thỏa thuận Hòa bình với quân Taliban tại Swat hồi tháng 2, cho phép áp dụng luật Sharia tại khu vực này. Hành động này đã bị Mỹ chỉ trích kịch liệt.

Trước đây, Hoa Kỳ ủng hộ mạnh mẽ tổng thống Musharraf của Pakistan với hy vọng ông ta sẽ cùng Hoa Kỳ các mở các cuộc hành quân ở vùng biên giới để tảo thanh lực lượng Taliban. Nhưng Taliban đã dọa nếu chính quyền Pakistan xâm phạm khu an toàn của họ, họ sẽ biến toàn đất nước Pakistan thành biển máu, nên ông Musharraf không dám. Tháng tám năm 2008, tổng thống Musharraf đã phải từ chức.

Hiện nay, bị áp lực của Hoa Kỳ, thủ tướng Pakistan Yusuf Raza Gilani đã ra lệnh mở các cuộc tấn công vào an toàn khu của Taliban. Ông nói : "Đây không phải là một cuộc chiến bình thường. Đó là chiến tranh du kích. Đó là cuộc chiến của riêng chúng tôi. Một cuộc chiến vì sự sống còn của đất nước".

Tuy thủ tướng Gilani nói như vậy, nhưng trong thực tế đây là cuộc chiến vì áp lực của Hoa Kỳ. Pakistan đang khai triển khoảng 15.000 quân để đối đầu với khoảng 4 hay 5 ngàn chiến binh Taliban. Cuộc chiến từ Afghanistan đã lan vào Pakistan và toàn đất nước Pakistan đang bị biến thành biển máu như Taliban đã đe dọa.

Liên Hiệp Quốc cho biết cuộc chiến đã buộc khoảng 200.000 người

phải di tản, và hơn 300.000 người khác đang trên đường hoặc chuẩn bị di tản khỏi nơi ở.

2. Làm cho tình hình ổn định hơn

Tổng thống Obama tuyên bố lực lượng 30.000 quân sắp được tăng cường sẽ tấn công vào các thành phần nổi dậy để "bảo đảm an ninh cho các trung tâm dân cư chính yếu". Nhưng nhiều người tin rằng với khoảng 100.000 quân Mỹ và 45.000 quân NATO mà phải bình định một đất nước rộng gấp đôi Việt Nam với địa thế phức tạp là chuyện khó thực hiện được. Lực lượng này chỉ có thể bình định các vùng xung quanh thủ đô Kabul và các tỉnh phía Nam để giúp chính quyền Kabul có thể đứng vững trong thời gian từ một tới hai năm sau khi Mỹ rút quân. Taliban và các bộ tộc vẫn làm chủ các vùng rừng núi phức tạp.

3. Củng cố lực lượng bản địa

Afghanistan hiện có lực lượng cảnh sát khoảng 60.000 người. Nước này đang đặt kế hoạch tuyển dụng thêm 20.000 cảnh sát khác đưa con số lên tới 80.000 người. Dù về mặt chính thức, cảnh sát chịu trách nhiệm giữ gìn trật tự dân sự, các lãnh đạo quân sự địa phương và vùng tiếp tục nắm quyền kiểm soát tại những vùng chưa ổn định. Cảnh sát thường bị buộc tội đối xử không thích hợp và tra tấn các tù nhân.

Tướng Stanley McChrystal, tư lệnh Mỹ thuộc lực lượng hỗ trợ an ninh quốc tế do NATO đứng đầu (ISAF) tại Afghanistan, đã tái khẳng định cam kết hỗ trợ cho quân đội nước này. Quân đội Afghanistan hiện có khoảng 80.000 binh sĩ và dự kiến sẽ tăng lên 134.000 quân vào năm 2011.

Afghanistan hiện tại có một quân đoàn không quân với hơn 30 trực thăng do Nga lắp ráp. Các máy bay vận tải do Mỹ và các quốc gia đồng minh đóng góp.

Mỹ đã cung cấp khoảng 600 chiếc xe bọc thép Humvees và hơn 6.000 súng trường M16 cho các binh sĩ Afghanistan nhằm thay thế súng AK-47 do Nga chế tạo và đã được sử dụng trong nhiều thập niên. Afghanistan sẽ trang bị 150 máy bay chiến đấu vào năm 2016 ?

Việt Nam Cộng Hòa trước khi mất đã có khoảng 1.200.000 quân được tổ chức, huấn luyện và trang bị rất chu đáo, có khả năng chiến đấu gấp một trăm lần lực lượng của Kabul hiện nay, nhưng vì cấp lãnh đạo quốc gia quá yếu kém về cả chính trị lẫn quân sự, nên đã để miền Nam bị mất một cách nhanh chóng.

Chính quyền Kabul hiện nay, dù được trang bị và huấn luyện thêm, vẫn yếu kém hơn chính quyền miền Nam trước đây rất nhiều về cả mặt chính trị lẫn quân sự, làm sao có thể giữ vững được một đất nước có địa hình và nhân tình rất phức tạp sau khi lực lượng của Mỹ và NATO rút ?

Nếu chính quyền của đảng Cộng Hòa Mỹ không quá quan tâm đến việc khai thác dầu lửa ở Iraq, tập trung lực lượng vào cuộc chiến Afghanistan, tình hình bây giờ sẽ tốt hơn, uy tín của Mỹ sẽ tăng lên và thế giới sẽ yên bình hơn. Nhưng quyền lợi về dầu lửa của các nhóm tư bản Mỹ đã vượt lên trên quyền lợi của nước Mỹ và của thế giới.

Nhiều người vẫn tin rằng rồi Hoa Kỳ cũng giải quyết cuộc chiến Afghanistan giống giải quyết cuộc chiến Việt Nam. Trong bài "Đồng Minh lại tháo chạy" phổ biến trên các báo và Website ngày 11-2-2009, chúng tôi đã kết luận :

"Qua kinh nghiệm "Đồng Minh tháo chạy" ở Nam Việt Nam, với các kế hoạch mà tổng thống Obama và Bộ Quốc Phòng Mỹ đưa ra, chúng ta thấy lịch sử đang tái diễn tại Afghanistan : Trước khi trao quyền lại cho chính quyền Afghanistan và bỏ chạy, Hoa Kỳ đã tăng thêm quân để gây thiệt hại nặng cho phe kháng chiến và đẩy phe này ra xa thủ đô Kabul, đồng thời cũng cố cho chế độ ở Kabul vững mạnh hơn lên, để tạo ra một gian đoạn mà Kissinger gọi là "decent interval", tức một "khoảng cách vừa phải". Đây là khoảng cách được ước tính từ một đến hai năm, một khoảng cách mà phiến quân có thể kiện toàn lại lực lượng và tiến chiếm Kabul. Lúc đó, Mỹ và liên quân đã bay xa rồi !".

Bao giờ chúng ta thấy một cuộc phản chiến được phát động mạnh mẽ trên đất Mỹ này, chúng ta có thể đoán được ngày tận số của chính quyền Kabul đang tới.

Lữ Giang (California, 8-12-2009)



Phóng sự**Đi đường Cỏ, bỏ mạng đường Xa !****Huỳnh Tâm**

Vào lúc 16 giờ 30 chiều, ngày 22-11-2009, chúng tôi có mặt tại một khu rừng thuộc thành phố Grande Synthe, tỉnh Nord, vùng Nord-Pas de Calais, cực bắc nước Pháp. Khi ấy bầu trời đã ngã qua màu xám, đứng ngoài bìa rừng gió thổi lất phất, vật bão khua động phành phạch, cái lạnh khác thường của gió vàng, nó lùa đến xé da tuy chưa đến đông nhưng trong rừng đã có khí hậu khó chịu. Chân cứ bước theo gió vào rừng sâu như một nhân ngã lùi thui chiêu tà không thấy hoàn hồn, đường mòn khúc khuỷu, lấm bùn lầy lội, chân trước bước bám vào sình non, chân sau bị kéo lại dìm xuống sinh già.

Đã vào rừng giờ khắc này thì bất chấp hiểm nguy, cho dù có gặp mafia lao động bất hợp pháp người Việt, Afghanistan, Iraq hay Czech... chúng tôi cũng không nhún bước. Khi quyết định chọn khu vực này để làm phóng sự, chúng tôi chấp nhận tất cả.

Người Việt Nam trong khu rừng

Vừa vào tới cửa rừng Grande Synthe, một thoáng rợn người hiện ra như để hù dọa những kẻ non gan. Chúng tôi vội vã rẽ qua con đường mòn nằm bên cánh rừng phía trái, đi hơn ba trăm thước thì thấy hiện ra trước mắt những túp lều sơ sài bằng nhựa vải màu xanh dương, nơi cư trú của những người Việt nhập cư bất hợp pháp. Cảnh sống của họ thật là xơ xác, vào lán phải đi qua một bãy sinh lầy lội, không khác gì bãy sinh của đàn trâu khớp sừng chọi nhau.



Cũng may chúng tôi gặp lại một số người trước đây ở khu rừng Téteghem cách đây không xa. Tay bắt mặt mừng và cùng nhau giới thiệu, việc sơ giao không cần trả khách chủ. Nhưng người tổ trưởng là một gã hướng dẫn đường Cỏ (thường gọi là Công an) của tổ chức đưa người lao động bất hợp pháp, không hài lòng về sự hiện diện của chúng tôi. Lập tức chúng tôi tìm mọi cách để tiếp cận và cho họ biết "đêm nay chúng tôi ở lại cùng nhảy xe với anh chị em".

Họ cùng ngó nhau rồi nói : "Quí cô chú không nhảy xe trong đêm nay được đâu, ở đây không phải là rừng Téteghem. Chúng cháu không bảo vệ được chính mình, thậm chí còn phải khom lưng, nhắm mắt trước người Czech để qua bãy xe ! Bây chừ có đến hai người lạ mặt xuất hiện ở đây vào giờ này (17giờ) quả là khó cho chúng cháu, đề nghị quí cô chú bỏ ý định nhảy xe tối nay, nếu quí cô chú quyết định nhảy xe thì người Czech sẽ đánh và phá lán của chúng cháu".

Một người cao niên trạc tuổi hơn ngũ tuần cho biết : "Đó là lời chân thành, tôi nghĩ rằng quí vị quá mạo hiểm. Tôi đã lầm đến rừng này hơn hai mươi ngày rồi, chứng kiến cảnh đời phức tạp, không đơn giản như xã hội bình thường và đã chứng kiến tính man rợ của người Czech, nhất là khi đối xử với phụ nữ một cách tàn bạo. Mỗi đêm các cô đi qua bãy xe tải thì phải mất (Màu hồng) như vậy không biết bao nhiêu lần như thế ? Người phụ nữ ở đây lầm gian truân, họ hy vọng đến được Anh quốc mới biết sống còn từ hơi thở và vinh nhục cuối cùng ! Còn nam giới thì bị chúng tuột quần để kiểm tiền, thậm chí còn bị đánh đập nữa. Tuy thấy người Czech chỉ có năm người nhưng khi đụng chuyện thì không biết từ đâu kéo đến hơn năm mươi người, họ bao vây chúng tôi không khác nào chuẩn bị chiến tranh. À, tôi nghe người ta nói những năm sau 1975 hải tặc Thái Lan hiếp dâm, cướp của giết người vượt biển, nhưng mà có lẽ ở đây cũng không thua gi cả cảnh khủng khiếp của người vượt biển năm xưa !".

Một thanh niên để tóc dài chấm phủ tai cho biết : "Có nhiều chuyện tranh chấp cũng do người Việt mình tranh giành xe tải, rồi nhờ người Czech thanh toán giùm, đó là nguyên nhân có hai người ở đây mất tích. Hiện nay chúng em không thể ứng phó được với người Czech, vì sợ đối đầu với họ tức vô tình tạo cơ cho cảnh sát Pháp đến bắt,

bởi mình là người di cư bất hợp pháp, sống tạm trong rừng, cho nên có tật giật mình là vậy đó".

Một thanh niên ở rừng Téteghem, nay đến rừng Grande Synthe để đổi hướng đi cho biết : "Chúng em bị bọn đi đường Bãi ăn hiếp cho nên khổ sở với người Czech đó à !".

Chúng tôi nghe những anh chị em trong rừng nói tiếng lóng đường Cỏ và đường Bãi nhưng chưa hình dung được lý lẽ của hai danh từ tiếng lóng trên, liền hỏi :

- Vậy thì em cho biết đường Cỏ và đường Bãi khác nhau ở điểm nào ?

- Thưa chú, khác nhiều lắm ạ. Tổ chức đi đường Cỏ giá rẻ chỉ 1.500 euro, khởi hành từ Việt Nam đến Trung Quốc rồi vào biên giới nước Nga bằng xe ô-tô và xe lửa ; từ biên giới Nga đến Moscow phải trả thêm 2.500 euro nữa ; từ Moscow đến rừng này phải trả 2.000 euro, lộ trình này người ta đưa đi bằng xe thùng gỗ ở ngoài có lớp carton. Em đi đến đâu thì bên nhà phải trả tiền vay của ngân hàng đến đó. Họ tổ chức như vậy là để chia ra nhiều kỳ thế chấp, như hôm nay cầm sổ đỏ, ngày mai bán ruộng vườn và ngày kia v.v... Em và tất cả anh chị ở đây không biết đường dây tổ chức của họ. Mỗi chặng đường họ thay đổi người đưa đón và xe thùng, nói chung mỗi chặng đường họ thay đổi người mới. Họ chở em đến đây cũng vào một buổi chiều thế này, rồi bảo : "Đi theo bìa rừng sẽ có đồng hương tiếp đón" trong lòng em chờ vơ và hồi hộp lắm ! Ở đây cũng có kẻ trong tổ chức, với nhiệm vụ phân phát mỗi người 2 euro một ngày và liên lạc với tổ chức đưa người. Nếu em muốn đến Anh quốc bằng đường Bãi thì phải trả đến 3.000 euro, nhà em hết tiền cho nên phải tự mình nhảy xe vận tải để vào Anh quốc, có nhiều người cũng đi đường Cỏ mà phải trả khoảng 13.000 euro. Đường Bãi phải trả từ 15.000 euro đến 20.000 euro, khởi hành bằng máy bay từ Việt Nam đến nước Nga, rồi từ nước Nga đến Anh quốc bằng ô-tô. Nói chung đường Cỏ hay đường Bãi cũng là đi trồng Cỏ. Tổ chức đưa người lao động hứa khi vào được Anh quốc thì có người đón trong ngày, đi trồng Cỏ công nghiệp hưởng lương 5.000 euro mỗi tháng, như vậy cháu chỉ làm hai tháng là có vốn lắn lòi. Không biết cháu ở Pháp làm việc bao nhiêu mỗi tháng có lẽ lương cao hơn cháu nhiều lắm phải không ?

Rất nhiều người Việt Nam lao động bất hợp pháp đặt câu hỏi như thế với chúng tôi. Câu trả lời phải rất tế nhị vì nói đúng sự thật sẽ làm họ thất vọng. Bức xúc trước cảnh đời thê thảm này, chúng tôi chỉ biết thở dài và giải thích một khía cạnh nhỏ về lương bỗng lao động tại Châu Âu. Sau cùng chúng tôi dành nói thực về lương bỗng mà chúng tôi nhận lãnh để họ hiểu và có một khái niệm về lao động tại những địa chỉ mới.

Được họ tín nhiệm và thân thiện nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy có một cái gì không thật, như một mõi đất đắp trong tim, bởi lời nói của họ có nhiều nghi vấn. Chẳng như những chuyện kể về cảnh hiếp dâm trong rừng Téteghem mà không có chứng cứ. Càng khó tin hơn bởi họ sử dụng tên họ, tuổi tác và nơi sinh quán không đúng, chỉ trong đầu họ mới biết họ là ai, còn ông trời hay người nào khác không bao giờ biết được. Sự thật về đời của những người này từ đây về sau sẽ không ai biết, nếu có biết chẳng thì phải về thế giới bên kia ! Tuy vậy khi nghe những người này nói về hoàn cảnh của họ, ai cũng động lòng nhưng rất khó biết lời nào là thực lời nào là giả. Những người di cư bất hợp pháp này đã trả cho những tổ chức mafia đưa người từ Việt Nam sang đây với giá trung bình từ 7.000 đến 20.000 euro, nhưng không bảo đảm sẽ được làm thủ tục nhập cảnh vào Anh quốc. Chính vì thế, từ khi rời khỏi Việt Nam đến nay họ sống những kẻ bên lề xã hội.

Ngoài ra còn có một số người đi du lịch trá hình, từ Việt Nam đến Pháp bằng đường hàng không chỉ mất từ 800 đến 1.100 euro, sau đó có người đưa đón họ đến cảng Calais, chờ cơ hội vào Anh quốc. Số người này cũng không may mắn gì hơn. Họ được đưa vào tạm trú trong công viên Parc Saint Pierre, nằm giữa trung tâm thành phố Calais, miền Bắc nước Pháp. Đây là một khu vực đầy bất trắc vì là khu tạm cư của những di cư bất hợp pháp đến từ Iraq, Afghanistan, cộng hòa Czech. Đã có ba người Việt Nam mất tích vì tranh giành phần ăn của họ. Sinh hoạt của người nhập cư bất hợp pháp trong Parc Saint Pierre có giờ giấc nhất định. Mỗi ngày, người Việt nhập cư bất hợp pháp đến vào lúc 2 giờ trưa, chờ đến 6 giờ chiều để lấy đồ ăn do bếp lưu động từ thiện của tư nhân. Có người liều mạng đem chăn gối nằm cạnh phà biển hay lõn vồn quanh bến phà chờ cơ hội nhảy lên phà để qua Anh quốc. Cặp mắt của họ như bị thôi miên về một phía, cứ nhìn dăm dăm qua xứ sương mù (Anh quốc).

Đã là thành phần nhập cư bất hợp pháp, cho dù đi bằng đường Cỏ, đường Bãi hay đường hàng không, số phận của họ đều gian nan và gặp nhiều thách đố như nhau.

Hiện nay tại Grande Synthe, trong cánh rừng trái có mươi bảy người Việt nhập cư bất hợp pháp, với thân thể khắc khoải, tinh thần sa sút và sự minh mẫn của trí tuệ bị hao mòn. Họ hoàn toàn thiếu thốn mọi đồ vật sinh hoạt hằng ngày, gia tài của họ chỉ duy nhất là bộ áo quần.

Đúng 17 giờ 40 phút chúng tôi di chuyển qua cánh rừng bên phải và hứa với những người tạm trú trong cánh rừng bên trái sẽ về đúng 20 giờ để cùng nhau sinh hoạt bên bếp lửa, vì đây là giờ chuẩn bị dùng cơm, mọi người đều ăn thật no nê để lấy sức đi đường Cỏ. Trong đêm nay có mươi hai người chia thành bốn tốp nhảy xe. Cũng nên biết, trong cánh rừng bên trái này có năm người Czech dựng lều cách lán Việt hơn 300 mét, họ chờ người Việt đi qua để bắt đóng mồi lộ.

Cánh rừng Grande Synthe bên phải ngập nước, bởi những đêm trước mưa tầm tã, càng vào sâu càng khó đi. Đường rừng chỉ một màu đen trước mặt, rừng không lớn thế mà xa vô tận. Chân đi gấp ghênh, rẽ qua nhiều đường mòn, lồng ngực hơi se lại, lúc này dù có hối hận cũng đã muộn màng. Trong đầu biết sợ bảo chân bước nhanh. Không bao lâu sau, chúng tôi thấy khói bếp lửa của lán thứ hai. Đến gần chào hỏi và được biết ở đây là đường Bãi. Cảnh lán trại hoang sơ chỉ còn hai người, một thanh niên độ tứ tuần người tỉnh Hà Giang và một ông già độ ngoài lục tuần người Nghệ An.

Ông già lục tuân cho biết ông đã phải trả cho đầu nậu hết 20.000 euro để có mặt tại đây : "Tôi hy sinh tính mạng và gia tài để đổi lấy tương lai cho hai ái nữ tuổi mười bốn, mười lăm nhưng đời không được như ý, rồi ở trong rừng này hơn tháng mà còn bị bệnh nữa !". Rồi ông lại òa lên khóc.

Người trung niên gốc Hà Giang cho biết, cứ hai tháng một lần anh lên quận 16 Paris để chơi. Chúng tôi thừa hiểu người trung niên này là người phụ trách đường Bãi tại cánh rừng bên phải Grande Synthe. Anh ta nói thường về quận 16 Paris có nghĩa là về để nhận chỉ thị. Cũng nên biết quận 16 Paris là nơi tọa lạc của Tòa đại sứ Việt Nam nằm trong quận 16 Paris (địa chỉ chính xác là số 62 rue Boileau, 75016 Paris). Sự tiết lộ này cho thấy có một đường dây đưa người từ quận 16 Paris về đây hay từ rừng Grande Synthe về lại quận 16 Paris 16 (nếu đường dây bị bẽ). Người trung niên chủ lán đường Bãi không chút ái ngại cho chúng tôi biết : "Muốn đi suôn sẻ thì phải trả tiền cao, có người đưa kẻ dón bằng xe. Hôm nay chỉ còn lại một người vì bệnh cho nên chưa đi được".

Để chứng tỏ mình cũng biết đường dây đưa người này, chúng tôi cho người trung niên gốc Hà Giang biết lúc trước đường Bãi đưa người về Paris tạm trú trong những đường hầm xe điện ngầm tại Paris 13 (Metro Tolbiac) hiện nay ông bạn chuyển người từ rừng Grande Synthe đến thị trấn Lognes (một thành phố phía đông, cách Paris 30 km)

chứ không còn đến Paris 16 nữa, người thanh niên này chỉ nhìn chúng tôi không phản ứng.

Sau khi đã thu thập đầy đủ tin tức cần thiết, chúng tôi già từ lán này để ra về. Không ngờ người trung niên Hà Giang này giới thiệu thêm một lán mới lập cách đây ba ngày, hiện có ba mươi người cả nam lẫn nữ.

Chúng tôi hăng hái chuyển mình đi nhanh, chỉ mười phút sau là thấy những túp lều vải nhựa xanh mới của lán thứ ba. Những người này vừa dùng cơm tối xong và chuẩn bị nhảy xe vào lúc 10 giờ đêm. Vừa đến nơi, chúng tôi liền tranh thủ thời gian để gọi chuyện nhảy xe và quan sát hình hài của họ. Trước nhất, những người này ở lứa tuổi từ ba mươi đến ngoài sáu mươi, họ mới đến cho nên còn năng động lắm. Khuôn mặt của mỗi người để lộ sự hăng hái. Vì chưa hề thất bại, họ ăn nói lớn tiếng trông rất hào khí. Phần đông những người ở lán này đi bằng đường Cỏ, khởi hành từ Việt Nam qua Trung Quốc, rồi đến nước Nga, trạm trung chuyển là Pháp quốc, từ đây họ mới nhảy xe đi sang Anh quốc.

Một người ngũ tuần gốc Hà Tĩnh thở dài cho biết : "Đường Cỏ tuy rẽ tiền nhưng nguy hiểm vô cùng, nhất là gấp thõ phỉ của Trung Quốc và Nga tại biên giới Yichun-Heihe. À, chẳng đường từ Việt Nam đến Trung Quốc đi bằng tàu hỏa và ô-tô. Lúc đầu có 20 người cùng đi, khi đến biên giới Nga, tôi không biết lý do nào mất tích 6 người, sau đó đến Moscow chỉ còn lại 4 người, cuối cùng chỉ một mình tôi đến đây. Một trong 3 người ở lại Nga cho tôi biết, tình cờ gặp người anh con Bác đi cùng chuyến, lúc đầu tưởng là đi lao động Âu châu nhưng không ngờ anh ấy đi bán nội tạng cho người Trung Quốc. Hỏi ra mới biết anh ấy đã lấy 30.000 USD và trao hết cho Bác trai để nuôi các anh em còn lại, không biết bây giờ anh ấy còn sống hay đã chết rồi ! Như vậy có đến 10 người ở lại Trung Quốc".

Người thanh niên tỉnh Đắc Lắc ngồi trước bếp lửa nói : "Em hận chế độ cộng sản này lắm, ở không được phái liều lĩnh bỏ xú ra đi. Em phải bán gia tài của mẹ cha, chỉ hy vọng có được cuộc sống bình an. Em đã nhảy xe mỗi đêm mà không được, cứ đến Calais là phải quay đầu về rừng !".

Đêm nay có một số người không đi nhảy xe, vì ba ngày trước sương gió đã thấm sâu vào thân xác nên sức khỏe rất bấp bênh. Họ tiếp chúng tôi bên bếp lửa và tâm sự về cuộc đời không định hướng tương lai.

Vì chúng tôi đã hẹn đúng 20 giờ sẽ trở lại lán cánh rừng bên trái, nên phải dành tạm biệt anh chị em bên lán thứ ba. Chúng tôi được biết còn một lán thứ tư nằm sâu trong rừng có 20 người Việt ở đó, chúng tôi rất tiếc đã không viếng thăm được họ được. Khi ra về, trời tối đen như mực bút pháp, không biết đường đi chúng tôi phải nhờ một người trong lán đưa ra đường lớn trong rừng. Ra khỏi khu rừng bên phải, chúng tôi lần bước một lúc mới đến khu rừng bên trái. Về lại lán thứ nhất, xem đồng hồ chúng tôi chỉ trễ hẹn 10 phút.

Khát vọng sống, vượt tranh chấp

Hiện nay trong rừng Grande Synthe có 4 sắc dân tạm trú, đó là Việt Nam, Afghanistan, Iraq và Czech, tổng cộng khoảng 85 người.

Những tổ chức đưa người Việt Nam nhập cư bất hợp pháp lập ra bốn lán chứa người, một lán đường Bãi và ba lán đường Cỏ. Tổ chức đường Bãi qui mô như mafia quốc tế, trước đây họ có một trại tại Parc Saint Pierre gần bến tàu Calais. Tổ chức đường Bãi chuyên đưa người đi lao động bất hợp pháp, cướp sổ đỏ, cướp ruộng vườn dưới hình thức thế chấp tài sản qua ngân hàng của Việt Nam. Họ là bàn tay bạch tuộc, xé ra khắp nơi tại Việt Nam, Trung Quốc, Nga, Đức, Ba Lan, Pháp và Anh quốc, nơi nào họ cũng có nhà chứa. Riêng ở Pháp nhà chứa của họ nằm trong thành phố Lognes, rừng Grande Synthe.

Ngoài ra còn có một lán đường Cỏ trong rừng Téteghem (cạnh thành phố Dunkerque, miền Bắc nước Pháp) và một lán đường Bãi trong rừng Angres thuộc thành phố Angres. Có bao nhiêu lán trại là



có bấy nhiêu tổ chức đường dây đưa người lao động bất hợp pháp khác nhau. Tuy mỗi tổ chức có qui định riêng nhưng đều áp dụng luật giang hồ chung (cá lớn nuốt cá bé, cá nước nào sống nước đó).

Cùng là người nhập cư bất hợp pháp như nhau, nhưng người Afghanistan, Iraq và Czech tung hoành như chốn không người trong lán của người Việt Nam. Vào cuối năm 2008, đã xảy ra những vụ thanh toán nhau giữa người Czech, Iraq, Afghanistan và Việt Nam tại Parc Saint Pierre, thành phố Calais. Ba người Việt Nam đã mất tích (chết không tìm thấy xác) trong những cuộc xô xát này.

Hoạt động của nhóm đường Cỏ rất đa năng và vô nhân đạo, như buôn bán nội tạng và thai nhi cho người Trung Quốc. Hoạt động của nhóm đường Cỏ thì rất vô trách nhiệm, nhiều người đã chết trên các lộ trình nhập cư bất hợp pháp vào Anh quốc, đó là trường hợp của Nguyễn Văn Mạc tử nạn trên xa lộ A 16, 2 thanh niên Việt mất tích trong rừng Grande Synthe và 6 thanh niên khác do nhóm đường Cỏ tổ chức bị mất tích tại vùng biên giới giữa Trung Quốc và Nga mà chúng tôi biết được.

Cũng nên biết, rừng Grande Synthe trong tỉnh Nord chia ra làm hai cánh, phải và trái, hay bắc và nam. Người Việt Nam có mặt trong rừng này trước người Czech, Afghanistan và Iraq. Biết người Việt mang theo nhiêu tiền, các nhóm người Czech và người Afghanistan chia nhau trấn giữ hai cánh rừng, người Czech bao thâu cánh rừng Bắc, người Afghanistan và Irakiens cánh rừng Nam. Hai góc rừng huyết mạch này là nơi ra vào của của bãi xe tải lớn nhất của thành phố Grande Synthe qua Anh quốc. Cộng đồng người Czech, Afghanistan và Iraq trong khu rừng này là những nhóm nhập cư bất hợp vào đất Pháp từ lâu đời nhưng không thành công trên đường nhập cư vào Anh quốc nên xoay qua tổng tiền những người đồng cảnh ngộ để kiếm sống, nạn nhân những người Việt Nam khốn khổ, đã vơ vét hết tiền của gia đình để hy vọng vào được đất Anh hành nghề trồng cỏ với lương 5.000 euro mỗi tháng. Những đám thổ phỉ này gặp người Việt Nam như trúng số lớn, họ trấn lột người Việt bằng cách đếm đầu người rồi buộc nộp mãi lộ. Những phụ nữ Việt không may bị họ bắt giữ ban ngày khi băng qua rừng một mình phải chịu hình phạt giải quyết sinh lý. Ai chống lại họ sẽ bị đàn áp dã man. Những nhóm di dân bất hợp pháp này dám gian lận công người Việt, vì biết rằng người Việt không dám chống cự vì sự đổ bể cảnh sát Pháp sẽ can thiệp và trực xuất họ về nước. Có lẽ vì sống lâu dưới sự kềm kẹp, họ không mất đi quyết tâm chống lại bất công không và chỉ còn lại tâm lý cam chịu. Tình trạng của những nhóm người đi đường Cỏ và đường Bãi, nhất là phụ nữ, rất là thảm, vì họ có thể bị người Czech, Afghanistan và Iraq trấn lột và cưỡng dâm bất cứ lúc nào.

Đêm kinh hoàng

Trở về cánh rừng bên trái, lán vắng thưa, chỉ thấy ba người ngồi bên bếp lửa. Người trưởng lán đứng lên biến vào bóng tối, chỉ còn lại chúng tôi với một nam, một nữ, trạc tuổi ngoài 50. Không cần giới thiệu, chúng tôi biết hai người này mới đến lán. Đúng vậy, hai người này cho biết họ vừa đến 30 phút. Cùng thời điểm này, bên lán đường Bãi cũng có thêm một người mới gia nhập. Xem ra đường Cỏ đường Bãi, đêm nào cũng tiếp nhận lính mới.

Máy quay phim và máy ghi âm của chúng tôi không bỏ một cơ hội nào. Vừa ngồi xuống bếp lửa, chúng tôi để máy ngang tầm người để thu hình và ghi âm. Liên tục thì, người đàn ông đứng lên biến mất vào bóng tối, chỉ còn lại người phụ nữ. Chúng tôi liền tự giới thiệu và nói chuyện xã giao với người phụ nữ nói giọng Huế, hỏi ra mới biết cô này có gia đình ở gần quán cơm Âm Phủ.

Câu chuyện đường Cỏ từ xứ Huế đến rừng đang bắt đầu, bỗng có hai người y phục cảnh sát Pháp tiến vào lán. Đèn pin xí thảng vào mắt chúng tôi, nói bằng tiếng Anh. Chỉ mới hai điểm căn bản này thôi, chúng tôi biết đây không phải cảnh sát Pháp, bởi đã cấm kỵ nhất của cảnh sát Pháp là không dọi đèn pin vào mặt người đối diện và khi hành sự trong khu vực có người ngoại quốc phải nói tiếng Pháp.

Không nói ra, chúng tôi cũng biết đây là hai người Czech giả dạng cảnh sát Pháp để vào làm tiền người Việt. Khi biết họ là ai, trong lòng chúng tôi bỗng lạnh vì những bất trắc có thể đến bất cứ lúc nào. Lúc này người phụ nữ xứ Huế biến mất tự bao giờ và cũng không ai để ý. Hai người Czech bảo chúng tôi đưa máy quay phim và máy ghi âm cho họ xem. Đương nhiên chúng tôi liền phản đối, nhưng trước đe dọa cuối cùng chúng tôi chấp nhận xóa bỏ bộ nhớ trong máy ghi âm và trao phim cho họ. Hai người Czech cách li chúng tôi mỗi người một hướng để kiểm tra phim và băng ghi âm. Một người Czech yêu cầu tôi đi theo họ vào khu vực của họ. Vừa đi vừa sợ, nếu xảy ra điều gì không may cho tôi trong khu rừng sâu ai sẽ vào can thiệp. Nhưng tôi đã kèm được nỗi sợ, 10 ngày trước tôi đã có dự liệu nếu gặp phải người xấu trong rừng thì dành chịu.

Tôi đã nói với linh mục Đào và cảnh sát Pháp ở rừng Téteghem : "Chúng tôi sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy, kể cả nếu có xẩy thân trong rừng Grande Synthe". Trong giờ phút căng thẳng này, tôi tự nhủ tại lòng, nếu bỏ mạng ở đây yhì cũng vui thôi ! Nhưng lo nhất là đồng nghiệp của tôi đang bị bọn người Czech bao vây trong rừng cách khoảng 400 thước, không biết anh bạn đó sẽ đổi phó thế nào để thoát thân ?

Trên đường đi, một hình ảnh thương đau thương dội vào cặp mắt của tôi. Cách đó 10 thước, tôi rùng mình nhận ra phần dưới của một thân thể lõa lồ trắng ngà của người phụ nữ xứ Huế mà khi nãy tôi đã gặp đang bị tên người Czech cưỡng dâm một cách hung bạo. Cảnh tượng thật bất ngờ và đau lòng, tôi bức mình trong bất lực. Nhưng uất nhất là thấy gã hướng dẫn (có lẽ là công an) của lán đường Cỏ cùng đứng với gã người Czech đang ép người đàn ông trung niên mới đến lán nộp mãi lộ. Chưa đầy một giờ, hai người lính mới này đã thấy quan tài và mất đang đổ lệ, khu rừng tội lỗi Grande Synthe này mãi mãi là một nơi đáng nguyên rúa.

Không thể lâm lẩn, chính gã hướng dẫn đường Cỏ này đã báo với nhóm người Czech để dâng hai cổng phẩm mới và sự hiện diện của chúng tôi trong rừng.

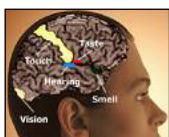
Sau khi kiểm tra cuộn phim của chúng tôi và không thấy có gì đặc biệt, gã người Czech hỏi : "Có phải ký giả không ? Có phải cảnh sát không ?". Chúng tôi chỉ trả lời : "Đi thăm viếng thân nhân, tiếp tế lương thực và ở lại đêm với thân nhân". Một người Czech khác đến gần, bảo tôi đưa tay lên cho họ khám xét. Khi dụng phải con dao găm của tôi vắt ngang lưng quần, gã này vội rút tay lại. Quá thực tên này nhát gan, mò thấy dao găm là sợ, hắn bảo người Czech đứng bên đưa tôi đi gấp. Chưa biết tình thế sẽ ra sao, tôi nghe con dao găm thầm cười : "Dao vàng bô dãy kim nhung, biết rằng quân tử có dùng ta đâu".

Về đến lán của người Việt, tôi vẫn còn thấy người Czech đang chất vấn đồng nghiệp của tôi. Chỉ nghe họ nói tiếng Czech, tôi không hiểu gì. Sau một hồi trao đổi lẫn nhau, hai người Czech liền bỏ đi. Lúc này đồng nghiệp của tôi lanh tay gọi điện thoại báo tin cho linh mục Đào hay biết sự tình. Hai người Czech khi nãy vào lán mời chúng tôi ngủ qua đêm trong rừng tại khu vực của họ. Chúng tôi cảm ơn và từ chối lời mời của những người Czech. Hơn 21 giờ đêm, linh mục Đào vào rừng chở chúng tôi về nhà.

Thời gian làm phóng sự trong rừng Grande Synthe tuy rất ngắn nhưng đã rất ngập thở. Chúng tôi đã trãi qua nhiều thử thách và chúngh kiến bao cảnh đau thương. Vừa ra đến cửa rừng, chúng tôi mới biết mình vô sự và bình an thân thể, tâm hồn chúng tôi như bay bổng trên không. Chính lúc này chúng tôi mới thấy mình dối, chúng tôi rủ nhau vào nhà hàng ăn bù và đúc kết chuyến đi. Phần phóng sự đã rất thành công vì tất cả tư liệu ghi âm và hình ảnh vẫn còn nguyên vẹn, tuy người Czech có tịch thu nhưng đó chỉ là những tư liệu giả.

Sáng mai chúng tôi tiếp tục hành trình đến rừng Angres thuộc thành phố Angres, tỉnh Pas de Calis, phía bắc nước Pháp. Ở đó có 80 người Việt nhập cư bất hợp pháp đang chờ cơ hội để vượt biên sang Anh.

Huỳnh Tâm (Paris)

Mặt mèo mặt chiên

HỖN GIÁC

Hắn khoe con gái vừa trúng tuyển vào một trường y danh tiếng. Đó là một tin vui lớn ; ở Mỹ khi người ta nói có con bác sĩ là một cách kín đáo người ta khoe giàu. Tuy vậy hắn không có ý định đó, chính hắn đã là bác sĩ, cũng như vợ hắn. Lý do khiến hắn khoe với tôi là vì hắn đã thuyết phục được con gái theo học một chuyên khoa rất mới, đầy hứa hẹn mà chưa một bác sĩ Việt Nam nào biết tới : môn hỗn giác.

Trước sự ngạc nhiên của tôi hắn giải thích :

- "Hỗn giác" là một từ chưa có trong ngôn ngữ y học Việt Nam, do chính tao đề nghị để dịch từ *synesthesia*. Đó là một thứ bệnh thần kinh rất lạ. Bệnh thần kinh chứ không phải bệnh tâm thần. Bệnh nhân không điên nhưng năm giác quan nghe, nhìn, sờ, nếm, ngửi pha trộn với nhau một cách vô lý. Y học mới khám phá ra bệnh này, nó còn trong giai đoạn khảo nghiệm, số bác sĩ chuyên khoa rất ít dù số bệnh nhân khá đông, cứ một trăm người thì ba người bị. Người Việt Nam không hề biết tới, mặc dù theo tao quan sát trong những lần về thăm nhà tỷ lệ người bệnh rất cao, có thể hơn 50%. Con gái tao sẽ là bác sĩ chuyên khoa Việt Nam đầu tiên về môn này.

- ??

- Thí dụ như khi mày ăn một trái cam là tự nhiên nhìn thấy màu tím, hai giác quan nếm và nhìn tự động phối hợp với nhau một cách vô lý.

- Chưa chắc đã hoàn toàn vô lý, có thể chỉ là sự liên tưởng. Như trường hợp của chính tao đây, mỗi lần nghe nói tới cà ri dê là tự nhiên lưỡi thấy cay, mũi ngửi thấy mùi thơm.

Hắn xua tay ngắt lời tôi :

- Không phải ! Không phải ! Trường hợp của mày chỉ là sự liên tưởng bình thường do sự thử nghiệm thường xuyên một quan hệ nhân quả, như con chim bị bắn hụt vài lần hễ nhìn thấy cây súng là hoảng sợ, hay như người Việt Nam hễ nghe nói tới hai tiếng "quan chức" là tự nhiên nghĩ tới tham nhũng, "công sản" là gian trá, "chống cộng" là cờ vàng, v.v. Đó là những gợi ý tự nhiên, không phải là *synesthesia*, không phải là hỗn giác. Hiện tượng hỗn giác xảy ra khi các giác quan kích động lẫn nhau một cách tự động không theo một logic nào, chẳng hạn cứ mắt nhìn thấy một nhà tu hành là mũi ngửi thấy mùi vịt quay, tai nghe nhạc thính phòng là lưỡi thấy cua rang muối. Con mèo thằng bạn tao phải đổi trường học mấy lần vì nó không nghe được giọng một số giáo sư, hễ nghe các ông này giảng thì tự nhiên mắt nó tối sầm, tai nó nghe thấy tiếng cuồng phong, có khi nó choáng váng. Bệnh nhân không thể giải thích tại sao nhưng khổ lắm ; mày thử tưởng tượng nếu cứ mỗi lần ăn phở là mũi nồng nực mùi mắm tôm, tai nghe ầm ầm như sóng vỗ thì sống thế nào được.

Bằng ngôn ngữ chuyên gia hắn giải thích về bệnh hỗn giác. Theo hắn, mỗi cảm giác là do sự kích động có phối hợp của vô số dây thần kinh, mỗi cảm giác giống như một chương trình điện toán tích lũy trong óc, khi tinh cờ một chương trình của một cảm giác A tự nhiên khởi động một chương trình của một cảm giác B là người ta bị hỗn giác, các cảm giác lôi kéo nhau một cách vô trật tự, nguyên do là trong chương trình của một số cảm giác bị lạc vào một số "lệnh" của một cảm giác khác. Muốn chữa phải phân tích những thành tố của từng cảm giác một và phải tìm được cách để sửa chữa từng thành tố một. Đây là một bộ môn chỉ mới phôi thai nhưng cần thiết và cũng đầy hứa hẹn.

- Rất cần thiết, hắn nhấn mạnh, vì số người mắc bệnh hỗn giác khá đông, hiện nay đã là khoảng 3% và đang có khuynh hướng tăng lên. Còn tệ hơn bệnh lạnh cảm, nghĩa là không còn cảm xúc, nó làm

MỤC LỤC

01. Hội nghị Việt kiều : một trò hề nhẽo

Thông Luận

02. 1989, thế giới và Việt Nam

Nguyễn Gia Kiểng

04. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không chống Trung Quốc

Việt Hoàng

06. Tính công bằng của nền công lý quốc tế cần phải xét lại

Nguyễn Văn Huy

08. Tương lai nào cho người quốc gia chậm tiến ?

Nguyễn Minh

10. Thấy khác mà giống !

Lữ Giang

13. Đi đường Cỏ, bỏ mạng đường Xa !

Huỳnh Tâm

16. Hỗn giác

Đáy

bệnh nhân rất khổ sở, cuối cùng có thể thành điên.

Trầm trọng hơn nữa là phụ nữ hay mắc phải, có lẽ vì họ đa sầu đa cảm, hậu quả là nếu bệnh nhân đang có thai thì đứa con cũng bị ảnh hưởng. Tuy vậy đây cũng là một bộ môn đầy hứa hẹn. Mày thử tưởng tượng nếu người ta phân tích và chế tạo ra được các cảm giác, âm thanh, mùi vị thì thế giới sẽ thay đổi như thế nào. Chẳng hạn tao mời mày ăn barbecue, chỉ cần cho mày ngồi vào một ghế điện và truyền cho mày những cảm giác ăn thịt nướng, lưỡi thấy mùi thịt nóng, tai nghe tiếng thịt chín xèo xèo, mũi ngửi mùi thơm, thỉnh thoảng kích động cảm giác của một hộp rượu vang đỏ. Không sợ mập, không sợ cholesterol, áp huyết, chẳng lo trúng độc, bội thực, cũng chẳng say. Tuyệt ! Thiên đường !

- Nhưng cứ vào đâu mà mày nghĩ là có tới 50% người Việt bị hỗn giác ?

- Rất rõ. Thí dụ như những lần về Việt Nam tao nhận xét là mỗi khi các vị lãnh đạo đảng và nhà nước lên truyền hình nói chuyện là người ta thấy thối, mặc dù họ nói toàn chuyện đúng như là chống tham nhũng, xóa đói giảm nghèo, săn sóc sức khỏe cho nhân dân, cải tiến giáo dục, v.v.

Rồi bỗng dung hắn giật mình :

- Mà không chừng chính tao cũng bắt đầu bị hỗn giác rồi. Hôm qua bà xã tao rủ tao coi cái You Tube chiếu ông chủ tịch Nguyễn Minh Triết đọc diễn văn trước hội nghị Việt Kiều. Bà ấy cười ngặt nghẽo như coi một phim hề đặc sắc. Còn tao thấy thối um.

Đáy

